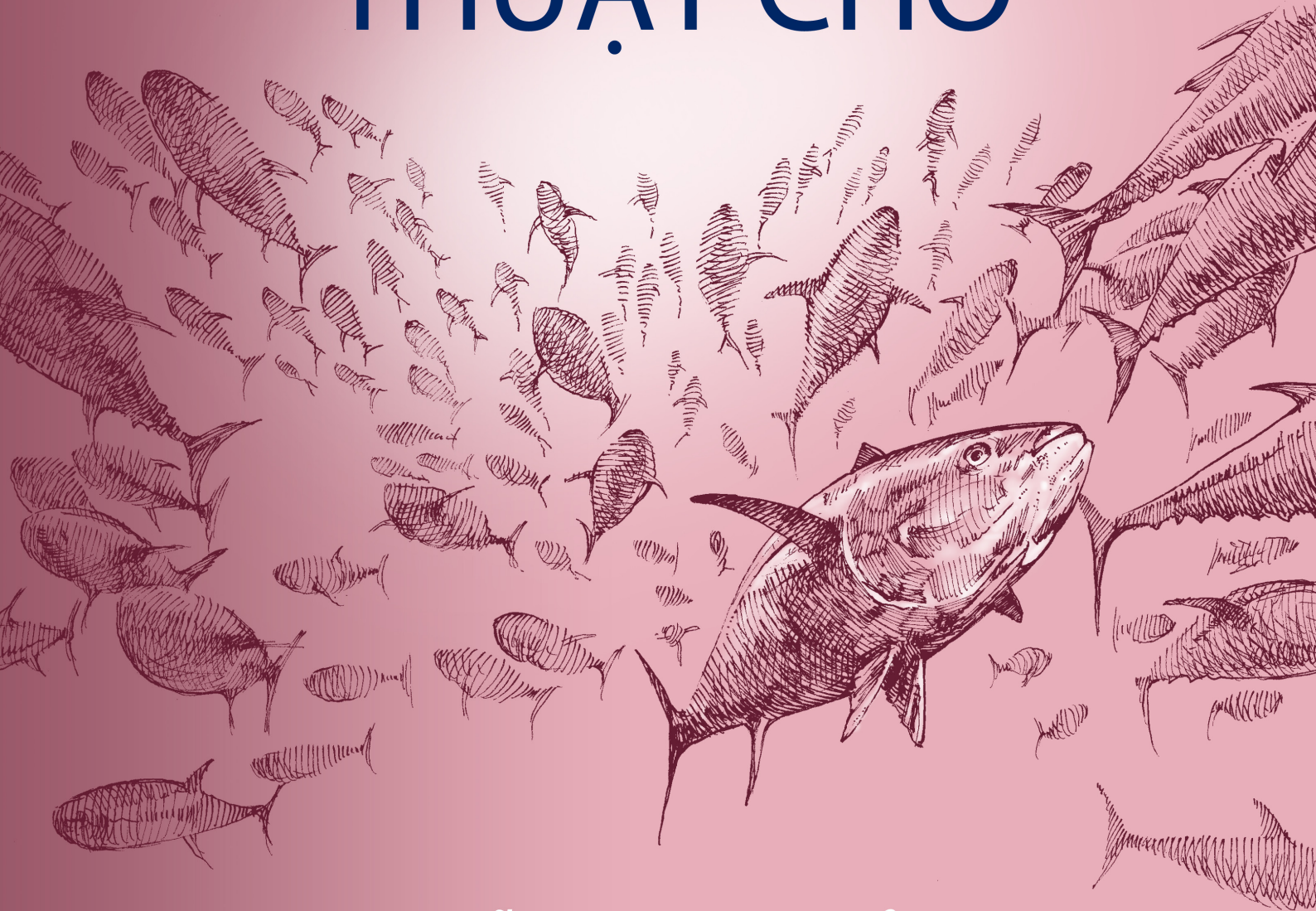




USAID
FROM THE AMERICAN PEOPLE



CÁC PHỤ LỤC KỸ THUẬT CHO



*Hướng dẫn mở rộng để Đánh giá
nhANH Hệ thống Quản lý Nghề cá*

THE USAID OCEANS AND FISHERIES
PARTNERSHIP

VỀ CHƯƠNG TRÌNH ĐỐI TÁC NGHỀ CÁ VÀ ĐẠI DƯƠNG CỦA USAID



HÌNH CHỤP: USAID OCEANS/IF. MARUF

Chương trình Đối tác Nghề cá và Đại dương của USAID (USAID Oceans) là một hoạt động 5 năm mà tại đó sẽ củng cố hợp tác trong khu vực để chống lại hoạt động khai thác bất hợp pháp, không báo cáo và không theo quy định và bảo tồn đa dạng sinh học của khu vực Châu Á – Thái Bình Dương. USAID Oceans là một mối quan hệ đối tác giữa cơ quan phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID), Trung tâm Phát triển Thủy sản Đông Nam Á (SEAFDEC) và Tổ chức Sáng kiến Tam giác San hô cho các rạn san hô, thủy sản và an toàn lương thực (CTI- CFF), cùng liên kết với các đối tác công và tư trên khắp Đông Nam Á để phát triển và thực thi các hệ thống báo cáo khai thác điện tử và hệ thống truy xuất nguồn gốc, cải thiện việc quản lý nghề cá bền vững thông qua sử dụng các phương pháp tiếp cận hệ sinh thái để quản lý nghề cá, giải quyết các vấn đề về phúc lợi và công bằng giới trong ngành thủy sản, cùng với đó phát triển Cơ chế Công tư để hỗ trợ cho những nỗ lực này.

CHƯƠNG TRÌNH ĐỐI TÁC NGHỀ CÁ VÀ ĐẠI DƯƠNG CỦA USAID

Đánh giá nghề cá trong kỷ nguyên mới

Hướng dẫn mở rộng cho việc đánh giá nhanh các hệ thống quản lý nghề cá

Được chuẩn bị cho Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ

Bởi Tetra Tech ARD dưới hợp đồng số AID-486-C-15-00001

Tháng 4 2019

Các quan điểm thể hiện trong tài liệu này không chưa hẳn đã là phản ánh quan điểm của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ hoặc Chính Phủ Hoa Kỳ.

Để có thêm thông tin, vui lòng truy cập www.seafdec-oceanspartnership.org hoặc liên hệ với info@oceans-partnership.org

MỤC LỤC

Phụ lục I. Khảo sát của chương trình RAFMS	2
Phụ lục II. Chỉ số RAFMS và các biến đổi	5
Phụ lục III. Mẫu công cụ khảo sát phân tích điểm yếu của CDT	13
Phụ lục IV. Các công cụ chuẩn đoán và phân tích về các yếu điểm của CDT	17
Phụ lục V. Mẫu nghiên cứu phân tích về giới tính	19
Phụ lục VI. Mẫu câu hỏi cho khảo sát phân tích về giới tính	21
Phụ lục VII. Các hệ thống mạng lưới được kiến nghị và nguồn tài liệu tham khảo về bình đẳng giới	35
Tài liệu tham khảo	37

PHỤ LỤC I. KHẢO SÁT CỦA CHƯƠNG TRÌNH RAFMS

Khi phát triển hướng dẫn kỹ thuật này, các đồng tác giả đã đánh giá một số chương trình đánh giá nhanh cho Hệ thống quản lý nghề cá (RAFMS) như các nghiên cứu điển hình. Dưới đây có một mô tả ngắn gọn về các nghiên cứu trường hợp này và một bản tóm tắt về cách chúng được sử dụng để cung cấp tài liệu cho hướng dẫn mở rộng.

Nghiên cứu được đánh giá:

1. Chương trình Đối tác Nghề cá và Đại dương của USAID – Dự án thẩm định nhanh được thực hiện bởi Đối tác ở Indonesia và Philippines. USAID Oceans sử dụng một số phương pháp / kỹ thuật nghiên cứu (bao gồm chuỗi giá trị, giới tính, kinh tế sinh học và phân tích thống kê) kết hợp với phương pháp RAFMS (xem Bảng tóm tắt bên dưới). Phân tích chuỗi giá trị (VCA) được sử dụng rộng rãi nhất trong các nghiên cứu của USAID Oceans, được bổ sung bởi Thảo luận nhóm tập trung (FGD), hội thảo các bên liên quan và bốn công cụ kỹ thuật trực quan / tham gia: biểu đồ dòng chảy, sơ đồ, biểu đồ quy trình và mốc thời gian. Các kết quả / kết quả đầu ra của RAFMS được sử dụng để phát triển các kế hoạch quản lý nghề cá tại địa phương, và cũng là công cụ giúp tăng cường kiến thức / hiểu biết khoa học, hỗ trợ trong việc ra quyết định / hoạch định chính sách, thông báo cho các bên liên quan như là các tài liệu thông tin chính yếu và được sử dụng trong việc phát triển các chương trình nghiên cứu

2. Ví dụ từ nghề đánh bắt quy mô nhỏ - Ba ví dụ đã được nghiên cứu từ một số quốc gia ở khu vực châu Á-Thái Bình Dương và châu Phi. Sáu phương pháp / kỹ thuật khác đã được sử dụng kết hợp với phương pháp RAFMS: Khung chẩn đoán và thích nghi có sự tham gia (Andrew và cộng sự, 2007), Phân tích và phát triển thể chế, VCA, các biện pháp bảo tồn đa dạng sinh học và các biện pháp hiệu quả quản lý khu vực bảo vệ biển. Các FGD và Phòng vấn người cung cấp thông tin chính (KII) đã được sử dụng trong mỗi biện pháp, được đánh giá tốt bởi tám công cụ và kỹ thuật trực quan / có sự tham gia: lịch trình, cây quyết định, biểu đồ dòng chảy, lên bản đồ, biểu đồ trong quá trình, thời gian và biểu đồ Venn. Kết quả / đầu ra của RAFMS được sử dụng để ra quyết định / hoạch định chính sách, làm tài liệu thông tin, để phát triển kế hoạch quản lý nghề cá, xác định các hành động bảo tồn biển và nghề cá quy mô nhỏ bền vững và hỗ trợ sinh kế sau xung đột.

3. Đánh giá dựa trên web của Trích dẫn RAFMS – Hơn 100 trích dẫn của các ứng dụng RAFMS đã được xem xét, trong đó 11 trong số đó sử dụng trực tiếp RAFMS như một hướng dẫn phương pháp (những người khác đã trích dẫn RAFMS như một tài liệu tham khảo hoặc một phần của đánh giá tài liệu): Bangladesh (Chowdhury và Yakupitiyage 2000; Hossain và cộng sự. 2007, 2008; Das và cộng sự, 2009; Miah và cộng sự. 2015); Ấn Độ (Lobe và Berkes 2004); Indonesia (Pido và cộng sự. 1997; Garces và cộng sự. 2006, 2010); Philippines (Dela Peña và cộng sự. 2012); và Thái Lan (Boromthanarat và cộng sự. 2006). Trong tổng số này, chỉ có sáu cách sử dụng phương pháp RAFMS có liên quan đến đánh bắt thủy sản, đặc biệt để đánh giá các hệ thống quản lý nghề cá cấp cộng đồng ở Philippines và Indonesia (Pido và cộng sự. 1997); nghiên cứu hệ thống padu của quản lý nghề cá dựa vào cộng đồng về sự thay đổi và đổi mới thể chế địa phương ở Nam Ấn Độ (Lobe và Berkes 2004); đánh giá phục hồi nghề cá sau sóng thần Aceh, Indonesia (Garces và cộng sự. 2006); đánh giá nhu cầu của cộng đồng và tình trạng nghề cá ở các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi sóng thần ở tỉnh Aceh, Indonesia (Garces và cộng sự. 2010); đánh giá tình trạng nguồn lợi thủy sản ven biển ở San Vicente, Palawan, Philippines (Dela Peña và cộng sự. 2012); và đánh giá tình trạng nghề cá ven biển ở Bờ biển Sitakunda với tài liệu tham khảo đặc biệt về biến đổi khí hậu và đánh bắt cá (Miah và cộng sự. 2015).

Hồ sơ tóm tắt các sáng kiến / thành phần của USAID Oceans sử dụng phương pháp RAFMS (2015-2017)

Đề tài nghiên cứu / chủ đề	Quốc gia	Phương pháp bổ sung	Thu Thập dữ liệu	Sử dụng kết quả	Nguồn / trích dẫn tài liệu tham khảo
Hồ sơ Khai thác và hệ thống truy xuất nguồn gốc ở General Santos, Philippines	Philippines	VCA	FGD, hội thảo các bên liên quan	<ul style="list-style-type: none"> Lập kế hoạch / chuẩn bị kế hoạch quản lý nghề cá 	Cinco (2017), WorldFish (2017d)
Các chương trình thí điểm RAFMS tại General Santos, Philippines		IAD, VCA	FGD, KII, hội thảo các bên liên quan	<ul style="list-style-type: none"> Increased scientific knowledge/ understanding Planning/preparation of fisheries management plans, research agenda Sự hiểu biết/các kiến thức khoa học được tăng cường Lập kế hoạch / chuẩn bị kế hoạch quản lý nghề cá, chương trình nghiên cứu, kế hoạch quản lý 	Garces (2017a), Garces và cộng sự. (2013), WorldFish (2017a, 2017b, 2017c, 2017d, 2017e and 2017f)
Đánh giá nhanh trong bối cảnh chuỗi giá trị cá ngừ		VCA	FGD, KII, HHI, hội thảo các bên liên quan	<ul style="list-style-type: none"> Sự hiểu biết/các kiến thức khoa học được tăng cường Lập kế hoạch / chuẩn bị kế hoạch quản lý nghề cá, chương trình nghiên cứu 	Ramirez (2017), WorldFish (2017b)
Lập bản đồ chuỗi giá trị để phân tích về giới của ngành thủy sản ở General Santos, Philippines		Phân tích giới tính, VCA	FGD, KII, HHI, hội thảo các bên liên quan	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định / hoạch định chính sách Gia tăng kiến thức / hiểu biết khoa học Tài liệu thông tin Chương trình nghiên cứu Lập kế hoạch / chuẩn bị kế hoạch quản lý nghề cá 	Carolino (2017)
Phân tích về giới trong ngành thủy sản ở Bitung, Bắc Sulawesi, Indonesia	Indonesia	Phân tích giới tính, VCA	Danh mục kiểm tra, FGD, KII, HHI, hội thảo các bên liên quan	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định / hoạch định chính sách Gia tăng kiến thức / hiểu biết khoa học Tài liệu thông tin Chương trình nghiên cứu Lập kế hoạch / chuẩn bị kế hoạch quản lý nghề cá 	Tumbol (2017)
Đánh giá nhanh cho nghề cá nhỏ trong khu vực quản lý nghề cá vùng 716		Phân tích kinh tế sinh học, RA, phân tích thống kê và toán học, đánh giá chứng khoán	FGD, KII, HHI, hội thảo các bên liên quan	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định / hoạch định chính sách Gia tăng kiến thức / hiểu biết khoa học Lập kế hoạch / chuẩn bị kế hoạch quản lý nghề cá 	Purwanto (2017a)
Đánh giá nhanh các loài cá ngừ trong Khu Quản lý Thủy sản vùng 716		RA, phân tích thống kê và toán học	FGD, KII, HHI, hội thảo các bên liên quan	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định / hoạch định chính sách, Gia tăng kiến thức / hiểu biết khoa học Lập kế hoạch / chuẩn bị kế hoạch quản lý nghề cá 	Purwanto (2017b)

Chữ viết tắt: FGD - Thảo luận nhóm tập trung, HHI - Phòng vấn hộ gia đình, IAD - phân tích và phát triển thể chế, KII - Phòng vấn thông tin chính, RA - đánh giá rủi ro, VCA - phân tích chuỗi giá trị

Tóm tắt hồ sơ của các nghiên cứu trường hợp được lựa chọn bằng phương pháp RAFMS

Đề tài nghiên cứu / chủ đề	Quốc gia	Phương pháp bổ sung	Thu Thập dữ liệu	Sử dụng kết quả	Nguồn / trích dẫn tài liệu tham khảo	Đề tài nghiên cứu / chủ đề
Phương pháp tiếp cận hệ sinh thái để quản lý nghề cá quy mô nhỏ ở Misamis Occidental	Philippines	2011-2013	PDAM	FGD, KII	<ul style="list-style-type: none"> Planning/preparation of fisheries management plans Lập kế hoạch / chuẩn bị kế hoạch quản lý nghề cá 	Garces và cộng sự. (2017b), Garces và cộng sự. (2013)
Thiết kế và khởi đầu Mạng lưới khu vực biển được quản lý tại địa phương (LMMA)	Các đảo ở Thái Bình Dương Lưu ý: lấy danh sách các quốc gia nghiên cứu trường hợp	2001-2004	Các biện pháp bảo tồn đa dạng sinh học; biện pháp quản lý khu bảo tồn biển	FGD, KII, HHI	<ul style="list-style-type: none"> Tài liệu thông tin Lập kế hoạch / chuẩn bị kế hoạch quản lý nghề cá 	Parks (2017a)
Thúc đẩy đồng quản lý nghề cá sau xung đột ở Liberia	Liberia	2011-2013	IAD, VCA	FGD, KII	<ul style="list-style-type: none"> Quyết định / hoạch định chính sách, Tài liệu thông tin Lập kế hoạch / chuẩn bị kế hoạch quản lý nghề cá 	Parks (2017b)

Chữ viết tắt: FGD - Thảo luận nhóm tập trung, HHI - Phòng vấn hộ gia đình, IAD - phân tích và phát triển thể chế, KII - Phòng vấn người cung cấp thông tin chính, PDAF - Khung chẩn đoán và thích ứng có sự tham gia (Andrew và cộng sự.2007), RA - đánh giá rủi ro, VCA - chuỗi giá trị phân tích

Vị trí địa lý và ứng dụng theo chủ đề của những người sử dụng phương pháp của 1996 "Một cuốn Cẩm nang để đánh giá nhanh các hệ thống quản lý nghề cá (RAFMS, Phiên bản 1)"

Chủ đề	Bangladesh	Ấn Độ	Indonesia	Philippines	Thailand	Tổng
Đánh bắt thủy sản	1	1	3	1		6
Công nhân tháo dỡ tàu	1					1
Nuôi trồng thủy sản	2					2
Phân vùng ven biển	1					1
Quản lý rừng ngập mặn					1	1
Tổng cộng	5	1	3	1	1	11

Nguồn: https://scholar.google.com.ph/citations?user=btW_UUQAAAAJ&hl=en

PHỤ LỤC II. CÁC CHỈ SỐ RAFMS VÀ CÁC BIẾN

Phụ lục này trình bày các chỉ số và biến số sinh thái, con người và quản trị sẽ được sử dụng trong quy trình RAFMS. Phần này có thể được sử dụng như một hướng dẫn hoặc danh sách các biến và chỉ số được sử dụng trong RAFMS. Các chỉ số có thể được thu thập trong Bước một và Hai của quy trình RAFMS để thiết lập điểm chuẩn và được sử dụng sau khi theo dõi và Đánh giá.

Các chỉ số, biện pháp và thang đo sức khỏe sinh thái

Thuộc tính	Chỉ số	Biện pháp	Thang đo
- Thủy sản / Đa dạng sinh học	- Các loài cá bị đe dọa, được liệt kê bởi các cơ quan quốc gia và quốc tế có liên quan (ví dụ: IUCN, CITES)	- Danh sách các loài cá bị đe dọa theo thể loại - Danh sách các loài cá được bảo vệ - Danh sách các loài cá bị đe dọa - Chương trình bảo vệ loài cá khác	- Có sẵn: Có = 1, Không = 0 - Có sẵn: Có = 1, Không = 0 - Có sẵn: Có = 1, Không = 0 - Không có sẵn = 0; Có sẵn = 1; Đã thực hiện = 2
	- Các loài sinh vật biển khác (không phải cá) bị đe dọa (ví dụ: rùa, động vật có vú biển, nhím biển, v.v.), được liệt kê bởi các cơ quan quốc gia và quốc tế có liên quan (ví dụ: IUCN, CITES)	- Danh sách các loài sinh vật biển (không phải cá) bị đe dọa khác theo thể loại - Danh sách xác định các loài sinh vật biển khác được bảo vệ - Danh sách các loài sinh vật biển bị đe dọa khác - Chương trình bảo vệ các loài sinh vật biển khác	- Có sẵn: Có = 1, Không = 0 - Có sẵn: Có = 1, Không = 0 - Có sẵn: Có = 1, Không = 0 - Không có sẵn = 0; Có sẵn = 1; Đã thực hiện = 2
	- Đánh bắt không chủ đích/vết bỏ	- Danh sách các loài bị loại bỏ hoặc không mong muốn - Chương trình sử dụng các loài đánh bắt không mong muốn - Danh sách các biện pháp được sử dụng trên tàu để giảm thiểu đánh bắt không mong muốn (ví dụ TEDs)	- Có sẵn: Có = 1, Không = 0 - Có sẵn: Có = 1, Không = 0 - Có sẵn: Có = 1, Không = 0 - Không có sẵn = 0; Có sẵn = 1; Đã thực hiện = 2
	- Cấu trúc cộng đồng (đa dạng loài, thành phần) (dữ liệu từ khảo sát thủy sản, khảo sát tuyến)	Giả sử dữ liệu có thể được thu thập từ đánh giá đàn cá (loài theo ngư cụ và kích thước trung bình) - Danh sách các loài bị bắt bởi các loại ngư cụ - Thành phần loài theo loại ngư cụ - Thay đổi trong phân bố không gian và thời gian của các loài theo ngư cụ và theo loài / nhóm	- Có sẵn: Có = 1, Không = 0 - Từ chối N = 0, Không từ chối = 1 - Nhỏ hơn = 0; Ổn định hoặc lớn hơn = 1
	- Chuỗi thức ăn / các nguồn dinh dưỡng tích hợp = sự phong phú nền tảng của các loài nguyên sinh	Bạn có đang đánh bắt các loài đứng đầu chuỗi thức ăn không? - Giảm tỷ lệ tương đối / sự phong phú / sự đóng góp của động vật ăn thịt so với động vật ăn cỏ - Tỷ lệ cá chết <0,5 tỷ lệ tử vong tự nhiên đối với nghề cá	- Từ chối = 0, Không suy giảm = 1 - Không = 0, Có = 1
	- Các loài mục tiêu (bao gồm các loài chỉ thị cho sức khỏe của cả hệ thống)	- Danh sách các loài theo ngư cụ - Thay đổi đáng kể trong thành phần loài - Thay đổi trong phân bố không gian và thời gian và thành phần của loài / nhóm - Kích thước trung bình của cá được đánh bắt và thay đổi thành phần kích thước theo loại thiết bị	- Có sẵn: Có = 1, Không = 0 - Có = 1, Không = 0 - Nhỏ hơn = 0; Ổn định hoặc lớn hơn = 1

Thuộc tính	Chỉ số	Biện pháp	Thang đo
	- Duy trì khả năng sinh sản của các loài mục tiêu	Giả sử có dữ liệu: - Tỷ lệ khả năng sinh sản > 30% (NOAA, 2006). - Độ dài khi bắt lần đầu (Lc) > chiều dài ở lần trưởng thành đầu tiên (Lm) Mùa sinh sản và các biện pháp bảo vệ tương ứng như mùa đánh bắt mở và đóng	- Không = 0, Có = 1 - Không = 0, Có = 1 - Không = 0, Có sẵn = 1, được thực hiện = 2
	- Mức độ của Cường lực khai thác	Xu hướng của CPUE - Et/Emsy < 1 - CPUEt/CPUEmsy > 1 - CPUE theo nghề, theo kích thước tàu và theo ngư trường - MSY hoặc MEY ước tính và các điểm tham chiếu khác	- Không = 0, Có = 1 - Không = 0, Có = 1 - Có sẵn: Không = 0; Có = 1 - Có sẵn: Không = 0; Có = 1
- Môi trường sống (Rạn san hô, cỏ biển, rừng ngập mặn,...)	- Bảo vệ môi trường sống	- Danh sách khu vực bảo tồn biển (MPA) / mạng lưới MPA và phạm vi khu vực trong MPA - Các chương trình bảo vệ môi trường sống - Cấm hoặc các biện pháp quản lý khác đối với ngư cụ hủy diệt (ví dụ: cấm lưới kéo), quy định kích thước mắt lưới, sơ đồ phân vùng đánh cá, quy định cấp phép	- Có sẵn: Có = 1, Không = 0 - Không có sẵn = 0; Có sẵn = 1; thực hiện = 2. - Không = 0; Có = 1; thực hiện = 2
	- Cải thiện các môi trường sống	- Các chương trình nâng cao môi trường sống - Chương trình thả giống, Ngân hàng ghe, khu vực cấm câu cá	Không có sẵn = 0; Có sẵn = 1; thực hiện = 2.
	Quản lý về khả năng phục hồi của hệ sinh thái	Bạn đang quản lý cho khả năng phục hồi hệ sinh thái? - Kế hoạch quản lý khả năng phục hồi hệ sinh thái	Không có sẵn = 0; Có sẵn = 1; thực hiện = 2
Chất lượng nước	- Chất lượng nước	Nhu cầu oxy sinh học >ppm nước biển ở khu vực ven biển - Nhiệt độ - Lượng Oxy hòa tan tối thiểu > 3 ppm nước biển ở khu vực ven biển - Phú dưỡng - Kim loại nặng và mức hydrocarbon - Cấp độ E-coli < ở vùng ven biển	- Không = 0, Có = 1 - Không = 0, Có = 1 - Không = 0, Có = 1 - Không = 0, Có = 1 - Không = 0, Có = 1
	- Rác thải biển	- Chương trình giảm thiểu rác thải - Chương trình giảm thiểu ngư cụ ma	- Không = 0, Có = 1 - Không = 0, Có = 1

Các chỉ số và biện pháp an sinh của con người

Thuộc tính	Chỉ số	Cách đo lường	Dữ liệu thực tế hoặc xếp hạng
Đóng góp cho các Mục tiêu cấp vĩ mô	Tỷ lệ nghèo trong nghề cá (giữa các hộ gia đình đánh bắt và các hộ phụ thuộc vào thủy sản)	- Thay đổi thu nhập thực tế của các hộ gia đình (khai thác thủy sản và làm việc các công việc liên quan trong ngành thủy sản)	- Thu nhập trung bình (tính bằng USD / năm) của các hộ gia đình đánh bắt và phụ thuộc vào thủy sản theo thời gian - Mức ngưỡng nghèo (tính bằng USD / năm) theo thời gian
	- An ninh lương thực các loại thủy sản (cá và các loài sinh vật biển khác)	- Khối lượng cung cấp (xem xét tính thời vụ / tỷ lệ đánh bắt), giá cả và giá trị của hải sản được thu hoạch và giao dịch theo thời gian - Khối lượng nhu cầu (xem xét tăng trưởng dân số/thực phẩm tiêu dùng), Giá cả và giá trị của các sản phẩm thủy sản tiêu thụ theo thời gian - Truy cập vào hải sản giá cả phải chăng từ các nguồn bên ngoài FMA	- Tổng khối lượng (tính bằng tấn/năm), giá trị (tính bằng USD / năm) và giá (tính bằng USD/tấn) được sản xuất, tiêu thụ, nhập khẩu và xuất khẩu cho từng loài thủy sản chính theo thời gian - Xếp hạng: 0 - không tiếp cận; 1- tiếp cận yếu trong nước; 2- tiếp cận trong khu vực; 3- tiếp cận toàn cầu
	An toàn hải sản (cá và các loài sinh vật biển khác)	- Sự phổ biến của khai thác IUU - Sự hiện diện và tuân thủ các hướng dẫn về thực hành đánh bắt, xử lý và chế biến tốt - Hiện trạng hệ thống chứng nhận thủy sản (CS) - Hiện trạng Hồ sơ khai thác và hệ thống truy xuất nguồn gốc (CDTS) - Tuân thủ các tiêu chuẩn an toàn thủy sản địa phương / quốc gia / quốc tế	- Xếp hạng: 0 – phổ biến; 1- khoảng một nửa; 2- tối thiểu; 3- không có - Xếp hạng: 0 - không có hướng dẫn; 1- có hướng dẫn nhưng tuân thủ tối thiểu; 2- tuân thủ vừa phải; 3- tuân thủ cao - Xếp hạng: 0 - không có CS; 1- có CS nhưng không được thực hiện; 2- thực hiện một phần; 3- thực hiện đầy đủ - Xếp hạng: 0 - không CDTS; 1- có CDTS nhưng không được thực hiện; 2- thực hiện một phần; 3- thực hiện đầy đủ - Xếp hạng: 0 - không tuân thủ; 1- tối thiểu; 2- vừa phải; 3- cao
Nguồn sinh kế và thu nhập	Tỷ lệ việc làm trong ngành thủy sản (giữa các hộ gia đình đánh bắt và phụ thuộc vào thủy sản)	- Số lượng lao động (và thất nghiệp) cả nam giới và phụ nữ làm việc toàn thời gian/bán thời gian trong các sinh kế liên quan đến nghề cá theo thời gian - Hiện trạng và lịch sử việc làm của cả nam và nữ trong ngành thủy sản - Nhu cầu lao động và cung ứng lao động nam nữ ngành thủy sản	- Tổng số người đàn ông và phụ nữ làm việc toàn thời gian / bán thời gian, thiếu việc làm và thất nghiệp trong các sinh kế cụ thể liên quan đến nghề cá theo thời gian - Tổng số công việc liên quan đến nghề cá cho nam và nữ và tỷ lệ tham gia lao động trong các ngành liên quan đến nghề cá
	Sự phụ thuộc của hộ gia đình và cộng đồng vào sinh kế liên quan đến nghề cá	- Phần trăm thu nhập liên quan đến thủy sản trên tổng thu nhập (danh sách các nguồn thu nhập khác của nam nữ giới và mức thu nhập kiểm được) - Số cơ hội việc làm và loại công việc hiện có (liên quan đến nghề cá và không liên quan đến thủy sản) cho nam và nữ giới - Trình độ học vấn của nam nữ và loại / số khóa đào tạo sinh kế đã hoàn thành - Số tiền đầu tư của chính phủ và tư nhân vào các doanh nghiệp và ngành công nghiệp liên quan đến thủy sản và không liên quan đến thủy sản.	- Thu nhập trung bình (tính bằng USD / năm) của thu nhập liên quan đến nghề cá và không liên quan đến nghề cá của các hộ gia đình (giữa nam và nữ) theo thời gian - Tổng số cơ hội việc làm liên quan đến nghề cá và không liên quan đến nghề cá cho nam và nữ - Số năm đi học trung bình và tổng số # và các loại hình đào tạo được hoàn thành bởi nam và nữ. - Tổng giá trị (tính bằng USD / năm) của các khoản đầu tư của chính phủ và tư nhân vào các doanh nghiệp và ngành công nghiệp liên quan đến thủy sản và phi thủy sản.

Thuộc tính	Chỉ số	Cách đo lường	Dữ liệu thực tế hoặc xếp hạng
	Sự hiện diện của sinh kế thay thế / bổ sung	<ul style="list-style-type: none"> - Loại / Số chương trình đào tạo sinh kế được tham dự/ hoàn thành bởi nam và nữ giới - Loại / Số chương trình sinh kế thay thế / bổ sung có sự tham gia của nam và nữ giới - Năng lực (thời gian và kỹ năng) của nam giới và phụ nữ để tham gia vào sinh kế bổ sung - Chia sẻ với tổng thu nhập hộ gia đình của sinh kế thay thế / bổ sung của nam và nữ - Số tiền ngân sách chính phủ phân bổ và các chương trình NGO để bắt đầu và duy trì sinh kế thay thế / bổ sung 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số lượng và loại chương trình đào tạo sinh kế được tham gia / hoàn thành bởi nam và nữ - Tổng số lượng và loại chương trình sinh kế thay thế / bổ sung có sự tham gia của nam giới và phụ nữ - Xếp hạng: 0 - không đào tạo / không kinh nghiệm; 1- tối thiểu; 2- vừa phải; 3- cao - Thu nhập trung bình (USD / năm) từ nguồn thu nhập chính và từ các nguồn thu nhập thay thế / bổ sung của nam giới và phụ nữ - Tổng giá trị (tính bằng USD / năm) của ngân sách chính phủ được phân bổ và số lượng và loại hình đầu tư tư nhân hỗ trợ sinh kế thay thế / bổ sung
	Xây dựng khả năng phục hồi của các hộ gia đình phụ thuộc vào đánh bắt và nghề cá	<ul style="list-style-type: none"> - Đa dạng về nguồn thu nhập của các hộ gia đình phụ thuộc vào thủy sản, kể cả những người tham gia bởi nam và nữ - Khả năng thích ứng của nam giới và nữ giới trong các hộ gia đình phụ thuộc vào thủy sản trước các mối nguy liên quan đến Biến đổi Khí hậu, cú sốc thị trường và các yếu tố bên ngoài khác (ví dụ về vốn xã hội, mạng lưới / mối liên kết giữa những nhân tố trong ngành khác, trong số những người khác) - Danh sách các chiến lược thích ứng ở cấp độ cộng đồng và tự quản lý hiện có / được thực hiện bởi nam giới và phụ nữ - Ngân sách chính phủ phân bổ cho công tác phòng chống thiên tai và xây dựng khả năng phục hồi 	<ul style="list-style-type: none"> - Xếp hạng: 0 - đơn; 1- nhiều nhưng tất cả liên quan đến thủy sản; 2 - ít nhất một liên quan đến nghề cá chính và không liên quan đến nghề cá; 3- nhiều và đa dạng - Xếp hạng: 0 - thiếu mạng lưới / vốn xã hội; 1- hạn chế; 2- vừa phải; 3- mạnh - Tổng số lượng và loại chiến lược thích ứng ở cấp độ cộng đồng và tự quản lý hiện có / được thực hiện bởi nam giới và phụ nữ - Tổng giá trị (tính bằng USD / năm) ngân sách chính phủ được phân bổ cho công tác phòng chống thiên tai và xây dựng khả năng phục hồi
Tiếp cận tới Tài nguyên & Tài sản hữu ích	Quyền sở hữu / quyền truy cập của các hộ gia đình (và không đánh bắt thủy sản?)	<ul style="list-style-type: none"> - Quyền sở hữu tài sản (sở hữu hoặc thuê) của nam giới và nữ giới trong các hộ gia đình đánh cá - Tiếp cận tới vốn (sở hữu hoặc vay) được sử dụng cho các hoạt động đánh bắt cá của nam giới và phụ nữ - Phần trăm hộ gia đình đánh cá (của nam và nữ) với quyền sử dụng / quyền truy cập - Sự hiện diện của các chính sách và yêu cầu liên quan đến quyền sử dụng / quyền truy cập (ví dụ: bản đồ sử dụng đất và nước, phân vùng, giấy phép, v.v.) 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số lượng và loại tài sản thuộc sở hữu hoặc thuê của nam giới và nữ giới trong các hộ gia đình đánh cá - Tổng số tiền (tính bằng USD) vốn sở hữu hoặc vay) được sử dụng cho các hoạt động đánh bắt cá của nam giới và phụ nữ - Tổng số hộ cá (hoặc nam và nữ) có và không có quyền sử dụng / quyền truy cập - Xếp hạng: Có, hoặc Không; nếu Có, hãy liệt kê các chính sách và yêu cầu hiện tại
	Truy cập tài nguyên của người bản địa	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng đàn ông và phụ nữ bản địa tham gia sinh kế liên quan đến nghề cá - Phần trăm nam nữ có quyền truy cập vào tài nguyên thủy sản - Sự hiện diện của các chính sách và yêu cầu liên quan đến truy cập tài nguyên 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số nam nữ bản địa tham gia sinh kế liên quan đến nghề cá - Tổng số người đàn ông và phụ nữ bản địa có và không có quyền truy cập vào tài nguyên thủy sản - Xếp hạng: Có hoặc Không; nếu Có liệt kê các chính sách và yêu cầu hiện tại

Thuộc tính	Chỉ số	Cách đo lường	Dữ liệu thực tế hoặc xếp hạng
	Sử dụng tài nguyên / Chia sẻ xung đột	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng / loại vấn đề được giải quyết và chưa được giải quyết về xung đột sử dụng / chia sẻ tài nguyên - Sự hiện diện của các hệ thống và sắp xếp sử dụng / chia sẻ tài nguyên - Sự hiện diện của các chính sách hỗ trợ sử dụng / chia sẻ tài nguyên (ví dụ: hạn chế đánh bắt, bản đồ sử dụng đất và nước, khoanh vùng) 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng số lượng và loại vấn đề được giải quyết và chưa được giải quyết về sử dụng tài nguyên / chia sẻ xung đột - Xếp hạng: Có hoặc Không; nếu Có, liệt kê các hệ thống và sắp xếp sử dụng / chia sẻ tài nguyên - Xếp hạng: Có, hoặc Không; nếu Có liệt kê các chính sách hỗ trợ sử dụng / chia sẻ tài nguyên
Các thị trường	Năng lực cạnh tranh của ngành / thị trường thủy sản địa phương	<ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng, giá cả và giá trị của các sản phẩm thủy sản được sản xuất và tiêu thụ theo thời gian - Loại thị trường hiện tại và lịch sử, cấu trúc, hệ thống và kênh thị trường - Số lượng và loại nhà cung cấp / nhà sản xuất nam và nữ và người tiêu dùng sản phẩm thủy sản - Quan sát thị trường hoặc chuỗi giá trị quan sát và sự không hiệu quả - Tiếp cận nam nữ phụ thuộc ngành thủy sản vào thông tin thị trường công bằng 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng khối lượng (tính bằng tấn / năm), giá trị (tính bằng USD / năm) và giá (tính bằng USD / tấn) sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm thủy sản theo thời gian - Thông tin về loại thị trường, cấu trúc, hệ thống và kênh thị trường - Tổng số lượng và loại nhà cung cấp / nhà sản xuất nam và nữ và người tiêu dùng sản phẩm thủy sản - Thông tin về mối quan hệ thị trường hoặc chuỗi giá trị và sự thiếu hiệu quả - Xếp hạng: 0 - không truy cập; 1- truy cập hạn chế; 2- truy cập từ nhiều nguồn; 3- truy cập từ nhiều nguồn đáng tin cậy
	Mức độ hội nhập với các thị trường rộng lớn hơn (quốc tế)	<ul style="list-style-type: none"> - Khối lượng, giá cả và giá trị của nguyên liệu và sản phẩm thủy sản được nhập khẩu và xuất khẩu theo thời gian - Lưu lượng / bản đồ sản phẩm thủy sản theo thời gian - Năng suất và lợi nhuận của hoạt động của các nhân tố trong ngành công nghiệp địa phương - Thay đổi chính sách (quốc tế) và yêu cầu / tiêu chuẩn thương mại (ví dụ: CDT, chất lượng, v.v.) 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng khối lượng (tính bằng tấn / năm), giá trị (tính bằng USD / năm) và giá (tính bằng USD / tấn) nguyên liệu và sản phẩm thủy sản nhập khẩu và xuất khẩu theo thời gian - Người chơi trong ngành & dòng sản phẩm / bản đồ thị trường - Thông tin về năng suất và lợi nhuận - Danh sách các chính sách (quốc tế) và yêu cầu / tiêu chuẩn thương mại theo thời gian
Bình đẳng giới / Bình đẳng	Chia sẻ lợi ích công bằng / công bằng giữa những nhân tố trong ngành	<ul style="list-style-type: none"> - Giá trị gia tăng / lợi ích của nam giới và phụ nữ từ các sản phẩm thủy sản - Vai trò của nam và nữ trong nghề cá và mối quan hệ giữa những người chơi trong ngành - Tiếp cận các cơ hội liên quan đến nghề cá và bồi thường công bằng - Điều kiện làm việc nhạy cảm về giới - Trình độ hiểu biết của nam giới và phụ nữ về chính sách thủy sản - Số lượng đàn ông và phụ nữ trong các cơ quan ra quyết định (BFAR, OPAG, SAFFAI, các tổ chức ngư dân) 	<ul style="list-style-type: none"> - Tổng giá trị gia tăng (tính bằng USD / tấn) và lợi ích của nam giới và phụ nữ từ các sản phẩm thủy sản - Danh sách vai trò của nam và nữ trong nghề cá và mối quan hệ giữa những người chơi trong ngành - Xếp hạng: 0 - không truy cập; 1- truy cập hạn chế; 2- w / truy cập nhưng không công bằng; 3- w / truy cập công bằng - Xếp hạng: Có hoặc Không; nếu không có vấn đề / mối quan tâm - Xếp hạng: 0 - không có kiến thức; 1- hạn chế; 2- truy cập cao nhưng không đồng đều; 4- truy cập cao và bằng nhau - Tổng số # và nam và nữ trong các cơ quan ra quyết định và ở các vị trí quan trọng
Sức khoẻ	Bệnh tật	<ul style="list-style-type: none"> - Tồn tại các bệnh tật hiện có 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng thành viên cộng đồng bị ảnh hưởng
	Sự thiếu dinh dưỡng	<ul style="list-style-type: none"> - Hình thức thiếu dinh dưỡng 	<ul style="list-style-type: none"> - Số lượng các bên liên quan bị suy dinh dưỡng

Các chỉ số và biện pháp quản trị

Thuộc tính	Chỉ số	Cách đo lường	Mức độ thực thi
Thể chế	- Văn phòng quản lý nghề cá được thành lập và hoạt động.	Liên minh địa phương hoặc liên chính phủ, hội đồng, vv được thành lập để bảo vệ FMA với các thành viên nữ	0 = không có văn phòng 1 = văn phòng địa phương 2 = sự phối hợp giữa các văn phòng địa phương 3 = Văn phòng điều phối FMA
	- Tham gia / đồng quản lý	Các bên liên quan tại địa phương (nam và nữ) để quản lý nghề cá được tổ chức trên toàn FMA; tích cực tham gia lập kế hoạch và thực hiện EAFM	0 = không có sự tham gia của các bên liên quan 1 = các bên liên quan được tổ chức 2 = tham vấn các bên liên quan 3 = các bên liên quan / đối tác quản lý
	- Cơ chế Phối hợp và hợp tác	Hợp tác đa tổ chức về quản lý được duy trì (chính thức là liên minh, hội đồng, v.v.) với ngân sách, nhân viên, M&E	0 = không phối hợp và hợp tác 1 = phối hợp đa tổ chức địa phương 2 = phối hợp đa tổ chức đa địa phương 3 = Phối hợp đa tổ chức trên diện rộng FMA
	- Tài nguyên (tài chính bền vững và tạo doanh thu)	Kế hoạch kinh doanh (có chia sẻ ngân sách và doanh thu) để thực hiện kế hoạch EAFM ở quy mô FMA	0 = không có tài nguyên 1 = tài chính địa phương 2 = tài chính địa phương phối hợp 3 = FMA chia sẻ tài chính
	- Năng lực triển khai EAFM	Có một sự xây dựng và phát triển năng lực được thiết lập để đảm bảo tất cả các bên liên quan đều có kiến thức và kỹ năng để tham gia vào EAFM	0 = không xây dựng năng lực 1 = xây dựng năng lực địa phương 2 = xây dựng năng lực đa địa phương 3 = FMA xây dựng năng lực diện rộng
	- Quản lý xung đột	Có một cơ chế quản lý xung đột tại chỗ và hoạt động	0 = không quản lý xung đột 1 = cơ chế quản lý xung đột cục bộ 2 = cơ chế quản lý xung đột đa địa phương 3 = Cơ chế quản lý xung đột FMA trên diện rộng
Kế hoạch	- Kế hoạch EAFM toàn diện được thông qua và cập nhật thường xuyên	Kế hoạch EAFM cho FMA được thông qua và thực hiện	0 = không có kế hoạch EAFM 1 = kế hoạch EAFM địa phương 2 = kế hoạch EAFM địa phương phối hợp 3 = kế hoạch FMA EAFM
	- Ranh giới quản lý của FMA được thiết lập	Vùng nước quản lý thủy sản được phân định (bản đồ / biểu đồ đã chuẩn bị)	0 = không xác định ranh giới 1 = Ranh giới hệ sinh thái được vẽ và thiết lập 2 = Thỏa thuận chính thức về ranh giới hệ sinh thái 3 = Ranh giới hệ sinh thái được chính phủ quốc gia công nhận hợp pháp
	- Nhiều mục tiêu	Đặt nhiều mục tiêu để đối phó với các tương tác trong ngành thủy sản và với các ngành / người dùng khác	0 = không có mục tiêu 1 = một mục tiêu 2 = nhiều mục tiêu thủy sản 3 = nhiều mục tiêu về nghề cá, hệ sinh thái và con người
	- Mục tiêu dựa trên kết quả rõ ràng	Có một bộ mục tiêu thống nhất trong nội bộ và được chấp nhận thông qua thỏa hiệp với các bên liên quan.	0 = không có mục tiêu 1 = mục tiêu được đặt ra bởi chính phủ 2 = mục tiêu được thiết lập trong quan hệ đối tác với các bên liên quan

Thuộc tính	Chỉ số	Cách đo lường	Mức độ thực thi
Kiến thức và thông tin	- Chương trình kiến thức, khoa học và thông tin liên ngành	Kiến thức và thông tin mới đang được thu thập, phân tích và phối hợp để hỗ trợ EAFM	0 = không có chương trình thông tin 1 = chương trình thông tin thủy sản 2 = chương trình thông tin hệ sinh thái 3 = Chương trình thông tin EAF
Sự quản lý	- Tiếp cận phòng ngừa	Những người ra quyết định đang áp dụng các cách thức dự đoán tương lai để nhằm có các cách thức đối phó với sự không chắc chắn trong hệ thống thủy sản	Có (1)_____ Không (0)_____
	- Quy mô phù hợp	Quản lý đang được thực hiện ở quy mô không gian, thời gian và quản trị thích hợp cho hệ sinh thái được quản lý	1 = quản lý ở quy mô không gian 2 = quản lý ở quy mô quản trị 3 = quản lý ở quy mô không gian, thời gian và quản trị
	- Quản lý nghề cá được thiết lập với kế hoạch quản lý đánh bắt và các biện pháp quản lý	- Giám sát và quản lý nghề cá quy mô FMA - Hầm bảo quản, kho bảo quản / đặc tính của đội tàu / Công nghệ khai thác - Mức độ thực hiện quy định - Các biện pháp quản lý đặc thù của loài - Các biện pháp quản lý cụ thể của ngư cụ	0 = không có kế hoạch nghề cá 1 = kế hoạch nghề cá địa phương và hồ sơ nghề cá được phát triển 2 = Quy định hoạt động và giám sát nghề cá được tiến hành thường xuyên và phản hồi cho các bên liên quan và người sử dụng tài nguyên 3 = Quy định cụ thể về loài và ngư cụ trong khai thác, giám sát mức FMA được sử dụng trong các hành động quản lý nghề cá
	- Thành lập hệ thống cấp phép và đăng ký nghề cá	Hệ thống đăng ký và cấp phép được sử dụng để điều chỉnh cường lực khai thác ở quy mô FMA	0 = không đăng ký / hệ thống cấp phép 1 = hệ thống đăng ký / cấp phép
	- Quản lý môi trường sống ven biển được thành lập	Giám sát và quản lý môi trường sống quy mô FMA	0 = không quản lý môi trường sống 1 = Kế hoạch quản lý môi trường sống ven biển địa phương, đánh giá cơ sở được thực hiện và hồ sơ môi trường sống được phát triển 2 = Giám sát môi trường sống ven biển được thực hiện thường xuyên và phản hồi cho các bên liên quan và người sử dụng tài nguyên 3 = Giám sát môi trường sống ven biển FMA được sử dụng trong việc xây dựng các hành động quản lý môi trường sống biển
	- Quản lý chất lượng nước ven biển được thành lập	- Quản lý và giám sát chất lượng nước ở quy mô FMA - Thực hành quản lý tốt nhất để kiểm soát ô nhiễm trên đất liền và trên biển	0 = không quản lý chất lượng nước 1 = Chất lượng nước địa phương, đánh giá cơ sở được tiến hành và chất lượng nước được phát triển 2 = giám sát chất lượng nước được tiến hành thường xuyên và phản hồi cho các bên liên quan và người sử dụng tài nguyên 3 = Giám sát chất lượng nước FMA được sử dụng trong việc xây dựng các hành động quản lý chất lượng nước

Thuộc tính	Chỉ số	Cách đo lường	Mức độ thực thi
	- Quy hoạch không gian biển để giảm xung đột	Kế hoạch phân vùng sử dụng biển được xây dựng và triển khai	0 = không quy hoạch không gian biển (MSP) 1 = Kế hoạch cho nghề cá và xác định sử dụng nguồn lợi biển được phát triển 2 = kế hoạch phân vùng sử dụng nguồn lợi biển được thực hiện (với công cụ chính sách hoặc pháp lý tương ứng) và được giám sát 3 = kế hoạch phân vùng sử dụng nguồn lợi biển được cải thiện, duy trì và đạt được các mục tiêu (ví dụ: giảm xung đột)
	- Mạng lưới các khu bảo tồn biển được thành lập	Sắp xếp hệ thống MPA được thực hiện, thi hành và duy trì	0 = không có MPA 1 = MPA hoặc MPA riêng lẻ được thiết lập, dữ liệu cơ sở được thu thập, kế hoạch quản lý MPA được triển khai và hệ thống giám sát được thiết lập 2 = Các sắp xếp mạng lưới MPA hoặc MPA riêng lẻ được thiết lập và sắp xếp mạng MPA 3 = sắp xếp mạng lưới MPA được triển khai, thi hành và duy trì
	Quản lý thích ứng	Những người ra quyết định là những người hành động và đưa ra các chính sách quản lý thích ứng bằng việc vừa học vừa làm và thử nghiệm, học hỏi từ quản lý thích ứng	Có (1)_____ Không (0)_____
Thực thi và tuân thủ	Thành lập đội ngũ và Chương trình thực thi Luật Thủy sản	Hoạt động thực thi pháp luật nghề cá thường xuyên được thực hiện thông qua FMA	0 = không thực thi pháp luật 1 = Đội thực thi pháp luật thủy sản và chương trình thực thi pháp luật được thành lập 2 = Hoạt động thực thi thủy sản thường xuyên được tiến hành và cơ sở dữ liệu thực thi được thiết lập 3 = Hoạt động thực thi thủy sản được duy trì và đánh giá hiệu quả thực thi. Thực thi hợp tác với chính quyền địa phương tham gia khác
Luật và chính sách	Các luật và chính sách hỗ trợ EAFM	Luật pháp và chính sách quốc gia và / hoặc địa phương hỗ trợ việc sử dụng EAFM	0 = không có luật / chính sách 1 = luật / chính sách ở cấp địa phương 2 = luật / chính sách ở cấp quốc gia 3 = luật / chính sách ở cấp quốc gia và địa phương
	Thiết lập các biện pháp của quốc gia có cảng	Khung pháp lý quốc gia cho các biện pháp của các quốc gia có cảng	Có (1)____ Không (0)_____
Biến đổi khí hậu/ thảm họa tự nhiên	Kế hoạch và chính sách cho việc quản lý và chuẩn bị cho biến đổi khí hậu, các thảm họa tự nhiên	Đầu tư vào khả năng thích ứng của nam giới và nữ giới, sự phục hồi của nghề cá và cộng đồng ven biển	0 = không thay đổi khí hậu / kế hoạch / hành động thảm họa 1 = biến đổi khí hậu / kế hoạch thiên tai 2 = biến đổi khí hậu / thảm họa và hành động 3 = đầu tư vào các can thiệp khả năng thích ứng và khả năng phục hồi

PHỤ LỤC III. MẪU CÔNG CỤ KHẢO SÁT PHÂN TÍCH ĐIỂM YẾU CỦA CDT

Hướng dẫn phỏng vấn thảo luận nhóm tập trung nên được điều chỉnh cho từng nhóm bên liên quan cụ thể được phỏng vấn. Như vậy, các bộ hướng dẫn câu hỏi sau đây được tập trung vào các lĩnh vực chủ đề, sẽ được sử dụng với các bộ trả lời có liên quan. Ví dụ, các biến liên quan đến quản lý nghề cá và đánh bắt cá IUU có thể được quản lý cho các cán bộ thủy sản, người sử dụng và quản lý tài nguyên và các thành viên cộng đồng.

Các biến số 01: VỀ QUẢN LÝ NGHỀ CÁ VÀ ĐÁNH BẮT IUU

Các bên tham gia: Cán bộ thủy sản, quản lý tài nguyên và người sử dụng; thành viên cộng đồng

Các câu hỏi hướng dẫn:

- 1) Những tài liệu, ấn phẩm hoặc báo cáo nào có sẵn trong hồ sơ nghề cá (cấp quốc gia và cấp thí điểm); cấu trúc (thương mại và quy mô nhỏ); sản xuất thủy sản; ngư cụ chính/ loài; số lượng tàu / ngư dân; bối cảnh kinh tế xã hội; bản đồ quốc gia với các khu vực / ngư trường chính cũng như khu vực quản lý nghề cá?
- 2) Luật pháp quản lý nghề cá quốc gia nào được áp dụng, nếu có?
- 3) Các vấn đề quản lý nghề cá chính (cấp quốc gia và địa điểm) liên quan đến sinh thái và nghề cá là gì; phúc lợi xã hội và kinh tế con người; và quản lý của chính phủ, khác, nếu có?
- 4) Các chương trình quản lý nghề cá và thực trạng quản lý và lập kế hoạch nghề cá, bao gồm:
 - a. Tổ chức quản lý (quốc gia và địa phương), hiệp hội nghề cá?
 - b. Các biện pháp của IUU và các biện pháp can thiệp quản lý nghề cá (cấp phép, cấm khai thác theo mùa / khu vực, bảo tồn nguồn lợi, v.v.)?
 - c. Chiến lược chống lại hoạt động khai thác IUU? Có một mục tiêu chiến lược rõ ràng để ngăn chặn IUU? Có sáng kiến CDT được sử dụng như một trong những công cụ để chống lại IUU không?
 - d. Sáng kiến EAFM (Thực thi tại các địa phương và nâng cao năng lực)?
- 5) Bạn có các báo cáo có hoặc thông tin có sẵn về các chương trình / dự án quản lý nghề cá (FMP) trong khu vực nghiên cứu không?
- 6) Có dấu hiệu nào cho thấy nguồn lợi thủy sản đang bị khai thác quá mức không? Tại sao?

Các biến số 2: Về CDT và Công nghệ CDT

Các bên tham gia:

- Thanh tra / người xác minh / cơ quan chính phủ
- Thuyền trưởng / tàu thuyền
- Người mua cá / người trung gian
- Nhà máy chế biến / nhà máy sản xuất đồ hộp /
- Nhà xuất khẩu
- Đại diện cơ quan thủy sản chính phủ
- Người quản lý tài nguyên và người dùng
- Thành viên cộng đồng

Câu hỏi hướng dẫn:

Tình trạng và sơ đồ CDT hiện có

- 1) Hiện tại, Bạn có áp dụng hồ sơ đánh bắt và quy trình truy xuất nguồn gốc trong quốc gia/ công ty của bạn không?
- 2) Bạn có thiết bị điện tử cho tàu cá, ngư cụ và giấy đăng ký thuyền trưởng, giấy phép khai thác không?

- 3) Bạn có hệ thống CDT điện tử để thu thập, chia sẻ và phân tích dữ liệu xã hội, kinh tế và xã hội có thể kiểm chứng liên quan đến các sản phẩm thủy sản khi chúng di chuyển dọc theo chuỗi cung ứng, sao cho chúng có thể truy xuất từ điểm thu hoạch đến nhà bán lẻ nhập khẩu thủy sản không? Nếu có:
 - a. Có phải hệ thống CDT đang được sử dụng bởi tất cả những nhân tố trong chuỗi cung ứng thủy sản bao gồm ngư dân, người mua, nhà chế biến, nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu và chính phủ?
 - b. Hệ thống CDT của bạn có hỗ trợ MCS hay không? Bạn có sử dụng hệ thống CDT để thu thập các số liệu thống kê nghề cá?
 - c. Bạn có sử dụng hệ thống CDT cho mục đích đánh giá đàn cá đặc biệt là các điểm dữ liệu khai thác hoặc cho các nỗ lực lập kế hoạch không gian và quy tắc kiểm soát thu hoạch không?
 - d. Hệ thống CDT hiện tại có khả năng hệ thống báo cáo và thực hiện phân tích dữ liệu được thu thập như một cách tiếp cận rộng hơn để quản lý hệ sinh thái biển không?
 - e. Hệ thống CDT hiện tại có phân tích một tập hợp các yếu tố dữ liệu chính (KDE) và các sự kiện theo dõi quan trọng (CTE) sẽ kết hợp các yếu tố từ các hệ thống báo cáo hiện tại, các yêu cầu pháp lý ở các nước xuất nhập khẩu và ACDS ASEAN không?
- 4) Các hệ thống công nghệ hoặc các hệ thống dựa vào máy tính đang được áp dụng để hỗ trợ CDTS cho chuỗi cung ứng thủy sản quốc tế đầy đủ không?
- 5) Bạn có cơ chế quản lý cho việc xuất cảng, cập cảng?
- 6) Có phải tất cả các loại tàu cá đều được trang bị hệ thống giám sát tàu (VMS) và được theo dõi để đánh bắt cá?
- 7) Có một cơ chế khai báo và kiểm tra lên cá hiệu quả?
- 8) Có chương trình thúc đẩy việc chứng nhận đánh bắt cá không?
- 9) Có chương trình chứng nhận an toàn sức khỏe hiệu quả không?

Hỗ trợ thể chế, cơ sở hạ tầng và môi trường triển khai cho hệ thống CDT

- 10) Có cơ sở hạ tầng chức năng của chính phủ và kiến trúc thượng tầng của ứng dụng truy xuất nguồn gốc và hệ thống điện tử hiện có bao gồm phần cứng, phần mềm và nhân sự không?
- 11) Có tồn tại các quy định và luật liên quan đến CDT không?
- 12) Có các biểu mẫu nhập thủ công hiện có hoặc bắt buộc và các tài liệu / chứng chỉ hỗ trợ trên CDT không?
- 13) Có một sáng kiến, cơ chế hoặc chương trình hiện có trên CDT, chẳng hạn như FMP, MSC, v.v. không?
- 14) Có yêu cầu thị trường hiện tại và sự định hướng theo CDT không?
- 15) Sự hỗ trợ cơ sở hạ tầng có bao gồm kết nối hiện có không?
- 16) Có bất kỳ yêu cầu và thực hành truy xuất nguồn gốc cụ thể nào đối với chuỗi giá trị cá ngừ giữa các nghề cá quy mô nhỏ, vừa và lớn không?
- 17) Có cơ sở hạ tầng công nghệ thích hợp không?
 - a. Đã có CNTT và công nghệ truyền thông kỹ thuật số chưa?
 - b. Có tháp sóng di động đủ để phục vụ cho người dùng không?
 - c. Các dịch vụ mạng di động có hiệu quả không?
- 19) Có phải việc thu thập dữ liệu CDTS đang được thực hiện? Làm như thế nào?
- 20) Các ngư dân có thể sử dụng công nghệ CDT điện tử không?
- 21) Có cần nhắc về lưu trữ và bảo trì dữ liệu không?
- 22) Có mối quan tâm về bảo mật dữ liệu?
- 23) Có các nền tảng công nghệ có sẵn từ các cơ quan chính phủ dọc theo chuỗi cung ứng thủy sản không? Nếu vậy, dữ liệu và các cơ quan quản lý có khả năng đồng bộ và truyền dữ liệu không?
- 24) Có phải dữ liệu là một vấn đề, và nếu có thì đó là vấn đề với ai?
- 25) Ai chịu trách nhiệm thu thập dữ liệu?
- 26) Việc tránh chuyển đổi sang eCDTS có phải là một vấn đề không?

- 27) Sự minh bạch có phải là một vấn đề lớn?
- 28) Có cơ chế pháp lý, chính sách hoặc kỹ thuật nào để thu thập dữ liệu CDT không?
- 29) Có cơ chế nào được thiết lập về truy xuất nguồn gốc không?
- 30) Có bất kỳ giới hạn quy định nào đối với eCDT không?
- 31) Có bất kỳ quy định liên quan đến truy xuất nguồn gốc thủy sản?
- 32) Có bất kỳ kiểm soát quy định về di chuyển sản phẩm như hạn ngạch?
- 33) Có phải thực thi pháp luật là một vấn đề?
- 34) Có thực thi MCS và thực thi eCDTS hiện tại không?
- 35) Thách thức phổ biến nhất trong việc thi hành MCS là gì?
- 36) Thách thức phổ biến nhất trong việc thi hành CDTS là gì?

KDEs, các tiêu chuẩn và lộ trình

- 37) Có tồn tại bất kỳ tiêu chuẩn KDE hoặc truy xuất nguồn gốc nào không?
- 38) Những tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc được chấp nhận?
- 39) Có tiêu chuẩn quốc tế nào tồn tại không?
- 40) Các phương pháp quản lý hiện có và hệ thống thủ tục hải quan không? (ví dụ: cơ chế một cửa, cơ chế liên doanh).
- 41) Dữ liệu và tiêu chuẩn quản lý nào được sử dụng?
- 42) Những định dạng chứng chỉ được sử dụng?
- 43) Có biện pháp bảo vệ dữ liệu để tránh làm sai lệch?
- 44) Có các định danh duy nhất nào được sử dụng bởi các công ty đánh cá?
- 45) Các định danh như IMO đang được sử dụng?
- 46) Các định danh hiện có được đặt theo tiêu chuẩn toàn cầu?
- 47) Có quy trình và kho lưu trữ thống nhất và thống nhất về quản trị định danh duy nhất (cả điện tử và giấy)
- 48) Có lộ trình CNTT quốc gia hiện có được thúc đẩy trong nước đặc biệt là về CDT không?

Các biến số 3: CÁC ĐỐI TÁC CỘNG ĐỒNG

Đối tượng tham gia: Đại diện cơ quan thủy sản chính phủ, quản lý tài nguyên và người sử dụng; thành viên cộng đồng

Các câu hỏi hướng dẫn

- 1) Bạn có tham gia nhiều bên liên quan, bao gồm các cơ quan chính phủ, công ty đánh cá tư nhân, hiệp hội và nhóm đánh cá, tổ chức liên chính phủ và tổ chức phi chính phủ trên khắp các ngành công nghiệp thông tin và thủy sản quốc tế trong thiết kế, thử nghiệm và triển khai eCDTS không?
- 2) Có các mối liên hệ nào giữa các cơ quan chức năng không?
- 3) Ai là nhà cung cấp công nghệ thông tin và truyền thông hiện có?
- 4) Các hiệp hội, tổ chức và viện nghiên cứu hiện có là ai?
- 5) Vai trò và trách nhiệm của chính phủ, công ty tư nhân, tổ chức phi chính phủ đối với CDTS là gì?
- 6) Khu vực tư nhân và đối tác Công nghiệp hiện tại hỗ trợ chương trình CDTS của chính phủ là gì?
- 7) Sự tham gia hiện tại của ngư dân trong nghề cá quy mô nhỏ trong chương trình CDTS là gì?
- 8) Khác?

Các biến số 4: GIỚI TÍNH, PHÚC LỢI CON NGƯỜI VÀ LAO ĐỘNG

Đối tượng tham gia: Đại diện cơ quan thủy sản chính phủ, quản lý tài nguyên và người sử dụng; thành viên cộng đồng

Câu hỏi hướng dẫn:

- 1) Có bất kỳ vấn đề giới tính và phúc lợi con người (như lạm dụng lao động, buôn bán người, lao động cưỡng bức,...) được báo cáo trong ngành đánh bắt cá?
- 2) Có các tiêu chuẩn và tiêu chuẩn lao động an toàn, hợp pháp và công bằng trong ngành thủy sản không? Xin hãy giải thích.
- 3) Hệ thống CDT hiện tại có bao gồm việc thu thập dữ liệu lao động liên quan để giám sát thực hành lao động không?
- 4) Bạn có tin rằng áp lực từ người mua hàng và chính phủ sẽ thúc đẩy sự tham gia vào hệ thống CDT và mang lại sự bảo vệ người lao động và tự nguyện tuân thủ các tiêu chuẩn lao động?
- 5) Hệ thống hiện có cho thấy chi phí lao động thực tế liên quan đến hoạt động nghề cá?
- 6) Hệ thống có cho phép người lao động có quyền truy cập vào các cơ chế thực thi và khiếu nại không?

PHỤ LỤC IV. CÁC CÔNG CỤ CHUẨN ĐOÁN VÀ PHÂN TÍCH VỀ CÁC YẾU ĐIỂM CỦA CDT

Công cụ chẩn đoán này có thể được sử dụng để đánh giá mức độ sẵn sàng CDT của một quốc gia, nghề cá cũng như ngành công nghiệp đánh bắt cá. Điều này có thể được sử dụng như một phần của các cuộc thảo luận nhóm tập trung hoặc các phiên phỏng vấn chính về thông tin trong quá trình RAFMS.

#	NỘI DUNG	TRẢ LỜI
Các quan tâm về IUU		(Có/Không/Không liên quan)
1	Có phải đánh bắt IUU đang là vấn đề trong nghề cá của bạn hay không? Nếu "Có": (a) Tại sao khai thác IUU lại là vấn đề? (b) Bên nào chịu trách nhiệm cho vấn đề khai thác IUU? (c) Những hình thức khai thác IUU tồn tại? (d) Có bất cứ báo cáo hay bằng chứng nào hỗ trợ cho yêu cầu này? Nếu có, xin hãy miêu tả cụ thể? (e) Làm thế nào những vấn đề này được giải quyết bởi chính phủ / chính quyền và khu vực tư nhân? (f) Đánh bắt IUU đã bắt đầu từ khi nào ?	
2	CDTS có được coi là một trong những giải pháp để chống lại vấn đề đánh bắt IUU trong nghề cá của bạn không?	
CÁC MỐI QUAN TÂM VỀ HỒ SƠ ĐÁNH BẮT		
3	Hiện tại bạn có sử dụng hệ thống dựa trên giấy hoặc điện tử để ghi lại việc đánh bắt cá (như nhật ký tàu cá, chứng nhận / tài liệu đánh bắt) không?	
4	Bạn có chương trình kiểm tra xuất bến / cập bến để giám sát hoạt động đánh bắt và tính hợp pháp của hoạt động không?	
5	Có một số / tất cả các tàu đánh cá thương mại của nghề cá của bạn đã được trang bị VMS và được theo dõi bởi một hệ thống theo dõi trong hoạt động khai thác?	
6	Có một kế hoạch khai báo và kiểm tra lên cá hiệu quả được sử dụng tại cảng?	
7	Bạn có thực hiện chương trình chứng nhận bắt không?	
8	Có cơ chế chứng nhận sức khỏe hiệu quả cho nghề cá không?	
9	Các hướng dẫn sử dụng, biểu mẫu đầu vào và tài liệu / chứng chỉ hỗ trợ có sẵn tại các điểm khác nhau của chuỗi cung ứng không?	
10	Các cơ sở hạ tầng hỗ trợ như các tháp sóng / trang web di động như kết nối internet / Wi-Fi hiện có sẵn không?	
11	Có bất kỳ yêu cầu và thực hành truy xuất nguồn gốc cụ thể (bên trong và bên ngoài) nào đối với nghề cá Chuỗi giá trị giữa các nghề cá quy mô nhỏ, vừa và lớn không?	
12	Các định danh duy nhất được sử dụng bởi các công ty đánh cá hay không? (a) Các định danh như IMO có đang được sử dụng không? (b) Các định danh hiện có có được đặt theo tiêu chuẩn toàn cầu không?	
13	Các định danh duy nhất được sử dụng bởi các công ty đánh cá hay không? (a) Các định danh như IMO có đang được sử dụng không? (b) Các định danh hiện có có được đặt theo tiêu chuẩn toàn cầu không?	
14	Có bất kỳ tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc sản phẩm thủy sản đang hiện tồn tại không? (a) Đây có phải là các tiêu chuẩn truy xuất nguồn gốc được chấp nhận trên toàn cầu? (b) Có bất kỳ tiêu chuẩn quốc tế nào hiện có tại mỗi công ty chế biến không?	
15	Có các giao thức trao đổi dữ liệu và khả năng tương tác giữa các cơ quan không? (a) Có phương pháp quản lý hiện có và hệ thống thủ tục hải quan không? (b) Dữ liệu và tiêu chuẩn quản lý nào được sử dụng? (c) Định dạng chứng chỉ nào được sử dụng? (d) Có biện pháp bảo vệ dữ liệu để tránh sai lệch không?	

Các quan tâm về CDT

16	<p>Hiện tại, bạn có tài liệu khai thác và hệ thống truy xuất nguồn gốc (CDTS) được triển khai cho sản phẩm thủy sản của bạn không? Nếu có:</p> <ul style="list-style-type: none"> (a) CDTS có nắm bắt thông tin liên quan đến sản phẩm thủy sản khi nó di chuyển dọc theo tất cả các giai đoạn trong chuỗi cung ứng, từ điểm thu hoạch đến xuất khẩu không? Nếu thông tin chỉ được nắm bắt ở một số / giai đoạn nhất định của chuỗi cung ứng, hãy xác định những giai đoạn nào. (b) Hệ thống CDT có được sử dụng bởi tất cả nhân tố trong chuỗi cung ứng thủy sản bao gồm ngư dân, người mua, nhà chế biến, nhà xuất khẩu, nhà nhập khẩu và chính phủ không? (c) Hệ thống CDT của bạn có hỗ trợ MCS không? (d) Bạn có sử dụng hệ thống CDT để thu thập số liệu thống kê nghề cá không? (e) Bạn có sử dụng CDTS cho mục đích đánh giá trữ lượng, đặc biệt là dữ liệu điểm thu hoạch hoặc cho các nỗ lực lập kế hoạch không gian? (f) CDTs hiện tại đang có khả năng cải thiện hệ thống báo cáo và thực hiện phân tích dữ liệu được thu thập như một cách tiếp cận rộng hơn để quản lý hệ sinh thái biển không? (g) Có đủ cơ sở hạ tầng công nghệ cho CDTS không? Ví dụ: CNTT và truyền thông kỹ thuật số có được sử dụng trong lĩnh vực thủy sản không? Có đủ tháp sóng di động để phục vụ cho tất cả người dùng? Dịch vụ mạng di động có hiệu quả không? (h) Liệu công nghệ tương tự khác, có đang được áp dụng, tích hợp vào CDTs cho chuỗi cung ứng thủy sản đầy đủ không? (i) Cơ sở hạ tầng của các cơ quan chức năng và / hoặc kiến trúc thượng tầng của các CDTS điện tử hiện có, như phần cứng, phần mềm và nhân sự hoặc nguồn nhân lực có đủ không? (j) Các quy định và luật liên quan có liên quan đến CDTS có tồn tại không? (k) Có một sáng kiến và / hoặc chương trình hiện có như Chương trình quản lý nghề cá, Hệ thống thông tin nghề cá (FIP), Hội chợ thương mại, Hội đồng quản lý hàng hải, v.v. chi phối chương trình về CDT? (l) Có các yêu cầu thị trường quốc tế hiện có và / hoặc các tác nhân điều khiển CDT có ảnh hưởng đến sự phát triển của eCDTS không? (m) Hệ thống CDT hiện tại có phân tích một tập hợp các yếu tố dữ liệu chính (KDE) và các sự kiện theo dõi quan trọng (CTE) sẽ kết hợp các yếu tố từ các hệ thống báo cáo hiện tại, các yêu cầu quy định trong quy trình xuất nhập khẩu không? (n) Việc thu thập dữ liệu CDTS có được thực hiện không? Nếu vậy thì thế nào? (dựa trên giấy)? Có cân nhắc về lưu trữ và bảo trì dữ liệu? Có những lo ngại về bảo mật dữ liệu? (o) Tính minh bạch dữ liệu của CDTS có phải là vấn đề lớn không? Có cơ chế pháp lý, chính sách hoặc kỹ thuật để thu thập dữ liệu CDT không? Có bất kỳ cơ chế thành lập về truy xuất nguồn gốc? (p) Có bất kỳ giới hạn quy định nào đối với eCDT không? Bất kỳ quy định liên quan đến truy xuất nguồn gốc hải sản? Bất kỳ kiểm soát quy định về đường di chuyển của sản phẩm như hạn ngạch? (q) eCDTS có tạo ra gánh nặng dữ liệu không? Đó là một vấn đề, và nếu vậy, với ai? 	
----	--	--

PHỤ LỤC V. MẪU NGHIÊN CỨU PHÂN TÍCH VỀ GIỚI TÍNH

Các phiếu khảo sát dưới đây có thể được sử dụng để hỗ trợ Nghiên cứu Phân tích Giới tính.

Nguồn: WinFish, 2017

Mẫu phân tích hoạt động

TIME & SPACE		
For Time: What is a typical day for you starting from rising in the morning until retiring for sleep, as you engage in both work and household activities? (Ask who does reproductive roles that are not mentioned). For Space: Where do you perform the economic tasks (e.g., processing, selling, trading) you mentioned? For example: (Is it safe to assume that reproductive tasks are home based)		
Time	Activities	Where done: home, work area, community
4:00AM to 5:00AM		
5:00AM to 6:00AM		
6:00AM to 7:00AM		
7:00AM to 8:00AM		
8:00AM to 9:00AM		
9:00AM to 10:00AM		
10:00AM to 11:00AM		
11:00AM to 12:00NN		
12:00NN to 1:00PM		
1:00PM to 2:00PM		
2:00PM to 3:00PM		
3:00PM to 4:00PM		
4:00PM to 5:00PM		
5:00PM to 6:00PM		
6:00PM to 7:00PM		
7:00PM to 8:00PM		
8:00PM to 9:00PM		
9:00PM to 10:00PM		
10:00PM to 11:00PM		
11:00PM to 12:00MN		
12:00MN to 1:00AM		
1:00AM to 2:00AM		
2:00AM to 3:00AM		
3:00AM to 4:00AM		
Aside from the tasks mentioned above, what other tasks do you perform? May be not on a daily basis but are being performed once/twice/thrice in a week?		

Mẫu này có thể được sử dụng để thu thập thông tin từ phụ nữ và nam giới về các hoạt động sản xuất, sinh sản, công việc cộng đồng và giải trí / nghỉ ngơi của họ, khi họ hoàn thành và sử dụng bao nhiêu thời gian cho mỗi người.

Mẫu cho Sơ đồ tài nguyên giới có sự tham gia (PGRM) trong Chuỗi giá trị thủy sản -

Mẫu này có thể được sử dụng để xác định và ghi lại các tài nguyên được sử dụng, sở hữu và kiểm soát bởi phụ nữ và nam giới theo chuỗi giá trị.



Mẫu phân tích chuỗi giá trị đáp ứng giới -

Mẫu này có thể được sử dụng để xác định và ghi lại vai trò và hành động của nữ và nam giới theo chuỗi giá trị.

Sự khác biệt về giới trong các hoạt động chuỗi giá trị								
Mức tích chuỗi giá trị	Dự phòng đầu vào		Sản xuất		Chế biến / Chuyển đổi		Thương mại	
	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ	Nam	Nữ
Hoạt động chuỗi giá trị								

Tiêu dùng

Thị trường

Mẫu phân tích chuỗi giá trị đáp ứng giới -

Mẫu này có thể được sử dụng để xác định và ghi lại các cơ hội và ràng buộc của phụ nữ và nam giới theo chuỗi giá trị.

Sự khác biệt về cơ hội / hạn chế					
CƠ HỘI			HẠN CHẾ		
Nam	Nữ		Nam	Nữ	
		Buôn bán			
		Biến đổi			
		Sản xuất			
		Đầu vào cụ thể			

PHỤ LỤC VI. MẪU CÂU HỎI CHO KHẢO SÁT PHÂN TÍCH VỀ GIỚI TÍNH

Các câu hỏi sau đây có thể được sử dụng để tạo điều kiện khảo sát với ngư dân và người vận hành. Nó đã được phát triển theo các lĩnh vực của Khung kích thước giới USAID. Nguồn: WinFish, 2017

Phần A: NGƯ DÂN VÀ CÁC NHÀ HOẠT ĐỘNG

<p>Câu hỏi sàng lọc</p>	<p>1) Tôi có thể biết bản chất công việc của bạn không? A - Thuyền trưởng của một chiếc thuyền / tàu đánh cá B - Ngư dân C - Thuyền viên / lao động / công nhân của một hoạt động đánh bắt cá Nếu trả lời A hoặc B, hãy chuyển sang Câu hỏi số 2 Nếu người trả lời trả lời C, chấm dứt phỏng vấn và thay thế người trả lời</p> <p>2) Bạn có câu cá nghề không? ___ Có ___ không Nếu câu trả lời là CÓ, hãy tiến hành phỏng vấn Nếu câu trả lời là KHÔNG, hãy chấm dứt phỏng vấn và thay thế người trả lời</p>
<p>Nhân khẩu học</p>	<p>Cho người trả lời Họ và tên: Địa chỉ (tại thành phố General Santos): Địa chỉ (Ngoài thành phố General Santos): Bạn đã sống ở Thành phố General Santos bao nhiêu năm rồi? ___ năm Giới tính: ___ Nam ___ Nữ Trình độ học vấn cao nhất: ___ Không đi học chính thức ___ Đã học vài năm ở tiểu học ___ Đã tốt nghiệp tiểu học ___ Một vài năm ở cấp 3 ___ Đã tốt nghiệp cấp 3 ___ Một vài năm ở đại học ___ Học nghề ___ Tốt nghiệp đại học, cao đẳng ___ Sau đại học Tình trạng hôn nhân: ___ Độc thân ___ Đã kết hôn ___ Ly hôn ___ Goá phụ ___ Ly thân Nhóm dân tộc: ___ Bicolano ___ Cebuano-Bisaya ___ Ilocano ___ Ilonggo ___ Tagalog ___ Waray ___ Badjao B'laan ___ Maguindanaoan ___ Maranao ___ Tausug ___ T'boli ___ Khác _____</p>

Về chồng hoặc vợ của người được phỏng vấn, nếu có:

Giới tính: Nam Nữ

Trình độ học vấn cao nhất:

- Không đi học chính thức
- Không đi học chính thức
- Đã học vài năm ở tiểu học
- Đã tốt nghiệp tiểu học
- Một vài năm ở cấp 3
- Đã tốt nghiệp cấp 3
- Một vài năm ở đại học
- Học nghề
- Tốt nghiệp đại học, cao đẳng
- Sau đại học

Tình trạng hôn nhân:

- Độc thân
- Đã kết hôn
- Ly hôn
- Goá phụ
- Ly thân

Dân tộc:

- Bicolano
- Cebuano-Bisaya
- Ilocano
- Ilonggo
- Tagalog
- Waray
- Badjao
- B'laan
- Maguindanaoan
- Maranao
- Tausug
- T'boli
- Khác: _____

Người có quan hệ với bạn đã sống tại thành phố General Santos bao lâu? ____ Năm

Chỉ cho người trả lời

1. Có bao nhiêu người trong hộ gia đình của bạn? ____
2. Thành viên nào trong gia đình của bạn làm việc với bạn trong các hoạt động đánh bắt cá? Xác định thành viên số 2, liên quan đến người trả lời (số 1). (ví dụ: vợ / chồng, con trai, bà, v.v.), tuổi, kiểm tra cột về giới tính

Danh sách thành viên trong gia đình	Tuổi	Giới tính	
		Nam	Nữ

1. Người trả lời			
2.			
3.			
4.			
5.			
6.			
7.			
8.			
9.			
10.			
11.			
12.			

3. Nguồn thu nhập chính / quan trọng nhất trong gia đình của bạn là gì? (Chỉ một câu trả lời)

- khai thác thủy sản
- Chế biến thủy sản
- Buôn bán thủy sản
- Nuôi trồng
- Công việc chuyên nghiệp
- Ngân hàng, dịch vụ chuyển tiền
- Khác, miêu tả chi tiết _____

4. Nguồn thu nhập thứ hai/ phụ trong gia đình của bạn là gì? (Chỉ một câu trả lời)

- khai thác thủy sản
- Chế biến thủy sản
- Buôn bán thủy sản
- Nuôi trồng
- Công việc chuyên nghiệp
- Ngân hàng, dịch vụ chuyển tiền
- Khác, miêu tả chi tiết _____
- Không có

5. Bạn kiếm được bao nhiêu tiền mỗi tháng từ việc đánh cá? (Chỉ có một câu trả lời; Lưu ý: số tiền bằng peso hoặc PHP của Philippines, khoảng USD0.019 kể từ ngày 13 tháng 5 năm 2018)

- 0 đến 2,000
- 2,001 đến 5,000
- 5,001 đến 10,000
- 10,001 đến 15,000
- 15,001 đến 20,000
- 20,001 đến 25,000
- 25,001 đến 30,000
- 30,001 đến 50,000
- 50,001 đến 100,000
- trên 100,000

6. Tổng thu nhập hộ gia đình của bạn mỗi tháng là bao nhiêu từ tất cả các nguồn? (chỉ một câu trả lời; Lưu ý: số tiền bằng đồng ppi hoặc PHP của Philippine, khoảng USD0.019 kể từ ngày 13 tháng 5 năm 2018)

- 0 đến 2,000
- 2,001 đến 5,000
- 5,001 đến 10,000
- 10,001 đến 15,000
- 15,001 đến 20,000
- 20,001 đến 25,000
- 25,001 đến 30,000
- 30,001 đến 50,000
- 50,001 đến 100,000
- trên 100,000

7. Bạn có phải là thành viên của bất kỳ tổ chức nào liên quan đến nghề cá không? khai thác thủy sản

- Có
- Không

Nếu không, hãy chuyển sang câu hỏi số 9

8. Nếu có, cơ quan liên quan đến nghề cá nào mà bạn là thành viên và vị trí của bạn là gì? (có thể trả lời nhiều đáp án)

Tổ chức	Vị trí				
	Chủ tịch/ phó chủ tịch	Thư ký/ thủ quỹ	Vị trí văn phòng khác	Thành viên	Không
a) Hiệp hội ngành cá ngừ					
b) Hiệp hội chế biến					
c) Hiệp hội ngư dân					
d) Hiệp hội tổ chức phụ nữ trong nghề cá					
e) Khác, xin nêu chi tiết___					

9. Những nhóm khác trong cộng đồng mà bạn là thành viên (không liên quan đến nghề cá)? Xin hãy chỉ ra cụ thể:

10. Vị trí của bạn trong hoạt động khai thác?

- Chủ tàu
- thuyền trưởng / Người điều khiển tàu cá
- Chủ sở hữu-nhà điều hành
- Nhân viên văn phòng
- Thủy thủ/ Công nhân / Pasahero

11. Kích cỡ của tàu cá của bạn (tàu đánh cá chính) là bao nhiêu?

- <3 GT
- 3-20 GT
- 21-150 GT
- >150 GT

	<p>12. Bao nhiêu ngày cho một chuyến biển? <input type="checkbox"/> 1 ngày hoặc ít hơn <input type="checkbox"/> 2-3 ngày <input type="checkbox"/> 4-7 ngày <input type="checkbox"/> 2 đến 3 tuần <input type="checkbox"/> 1-2 tháng <input type="checkbox"/> > 3 tháng</p> <p>13. Thuyền có được đăng ký với LGU/BFAR? <input type="checkbox"/> Có <input type="checkbox"/> Không <input type="checkbox"/> Không biết Nếu có, tên của ai đã được đăng ký? <input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ <input type="checkbox"/> Kết hợp Nếu kết hợp thì ai nắm vai trò quyết định? <input type="checkbox"/> Nam <input type="checkbox"/> Nữ</p>
	<p>14. Để có tiền mua thuyền đánh cá, anh chị đã làm thế nào? (Cho phép nhiều câu trả lời)</p> <p><input type="checkbox"/> Tự có <input type="checkbox"/> Vay tiền từ người thân / gia đình / bạn bè <input type="checkbox"/> Tiền vay (chỉ định người cho vay, ví dụ: ngân hàng, cá nhân) <input type="checkbox"/> Người mua <input type="checkbox"/> Theo thừa kế <input type="checkbox"/> Hỗ trợ của chính phủ <input type="checkbox"/> Cơ quan phi chính phủ <input type="checkbox"/> Những người khác, vui lòng ghi rõ _____</p> <p>15. Để có tiền trang bị ngư cụ, anh chị đã làm như thế nào (có thể trả lời nhiều câu)</p> <p><input type="checkbox"/> Tự có <input type="checkbox"/> Vay tiền từ người thân / gia đình / bạn bè <input type="checkbox"/> Tiền vay (chỉ định người cho vay, ví dụ: ngân hàng, cá nhân) <input type="checkbox"/> Người mua <input type="checkbox"/> Theo thừa kế <input type="checkbox"/> Hỗ trợ của chính phủ <input type="checkbox"/> Cơ quan phi chính phủ <input type="checkbox"/> Những người khác, vui lòng ghi rõ _____</p> <p>16. Làm thế nào để chủ sở hữu tăng tiền mặt khi cần thiết cho các hoạt động đánh bắt cá? (Cho phép nhiều câu trả lời)</p> <p><input type="checkbox"/> Tự có, chuyển sang Câu hỏi số 18 <input type="checkbox"/> Vay tiền từ người thân / gia đình / bạn bè <input type="checkbox"/> Tiền vay (chỉ định người cho vay, ví dụ: ngân hàng, cá nhân) _____ <input type="checkbox"/> Người mua <input type="checkbox"/> Những người khác, vui lòng ghi rõ _____ <input type="checkbox"/> Không biết</p>

17. Khi chủ sở hữu vay tiền để hỗ trợ các hoạt động kinh doanh đánh bắt cá, ai vay? Giới tính của người vay là gì?

Vị trí người chịu trách nhiệm	Giới tính	
	Nam	Nữ
a) Ngư dân		
b) Vợ ngư dân		
c) Đối tác kinh doanh		
d) Hộ hàng		
e) Khác, xin nêu rõ: _____		

18. Làm thế nào để chủ sở hữu tuyển dụng lao động cho các doanh nghiệp đánh bắt cá? (Cho phép nhiều câu trả lời)

- Lựa chọn cá nhân
- Giới thiệu
- Quảng cáo
- Internet
- Những người khác, vui lòng ghi rõ

19. Làm thế nào nhanh chóng chủ sở hữu có thể tuyển dụng lao động? (chỉ một câu trả lời)

- Trong một ngày
- Trong vòng một tuần
- Trong vòng một tháng
- Hơn một tháng

20. Bạn có bao nhiêu công nhân trong một hoạt động đánh bắt cá (chỉ số)? Tình trạng việc làm của họ là gì?

		Chỉ số	Tình trạng làm việc	
			Thường xuyên	Thời vụ
Đàn ông	18 tuổi trở lên			
Nam Thanh niên	Từ 15 đến 18 tuổi			
Phụ nữ	Từ 18 tuổi trở lên			
Phụ nữ trẻ	Từ 15 đến 18 tuổi			
Các bé trai	Dưới 15 tuổi			
Các bé gái	Dưới 15 tuổi			
Tổng cộng thành viên trong 1 chuyến biển				

21. Từ ai bạn có được thông tin đáng tin cậy về thực hành đánh bắt cá mới? (Cho phép nhiều câu trả lời)

- Cơ quan chính phủ quốc gia
- Đơn vị chính quyền địa phương
- Ngư dân khác
- Hiệp hội ngành cá ngừ
- Đài
- Truyền hình
- Internet
- Những người khác, vui lòng ghi rõ _____

22. Từ ai bạn có được thông tin đáng tin cậy về giá cả thị trường? (Cho phép nhiều câu trả lời)

- Cơ quan chính phủ quốc gia
- Đơn vị chính quyền địa phương
- Ngư dân khác
- Hiệp hội ngành cá ngừ
- Đài
- TRUYỀN HÌNH
- Internet
- Những người khác, xin vui lòng ghi rõ _____

23. Ai là người mua chính / chính của bạn? Hãy nói nếu họ là nam hay nữ. (Chỉ chọn một)

Người mua hàng	Giới tính	
	Nam	Nữ
a) Người bán buôn		
b) Người bán lẻ		
c) Người bán sỉ lẻ		
d) Nhà máy chế biến		
e) Người tiêu dùng		
f) Nhà đầu tư		
g) Khác, xin nêu rõ _____		

24. Bao nhiêu phần trăm người mua mà bạn giao dịch là phụ nữ? (biểu thị tỷ lệ phần trăm) ____%

25. Ai thường mang cá ngừ của bạn đến cho người mua? (cho phép nhiều câu trả lời)

		Đánh dấu
Đàn ông	18 tuổi trở lên	
Nam Thanh niên	Từ 15 đến 18 tuổi	
Phụ nữ	Từ 18 tuổi trở lên	
Phụ nữ trẻ	Từ 15 đến 18 tuổi	
Các bé trai	Dưới 15 tuổi	
Các bé gái	Dưới 15 tuổi	

	<p>26. Làm thế nào để bạn có được sản phẩm của bạn cho người mua của bạn? (cho phép nhiều câu trả lời)</p> <p><input type="checkbox"/> Vận chuyển đến thị trường bán lẻ</p> <p><input type="checkbox"/> Vận chuyển đến chợ đầu mối (cảng cá)</p> <p><input type="checkbox"/> Người mua có được cá tại bãi đập</p> <p><input type="checkbox"/> Những người khác, vui lòng ghi rõ</p>																																																																																																																																																
	<p>27. Bạn có cho phép người mua của bạn nhận được ghi nợ khi mua bán với bạn không?</p> <p><input type="checkbox"/> Có không</p> <p>Nếu không, tại sao không?</p> <p><input type="checkbox"/> Tôi cần tiền mặt cho các hoạt động đánh bắt cá</p> <p><input type="checkbox"/> Tôi cần tiền mặt cho các chi phí hàng ngày</p> <p><input type="checkbox"/> Tránh rủi ro không thanh toán</p> <p><input type="checkbox"/> Khó thu nợ</p> <p><input type="checkbox"/> Những người khác, vui lòng ghi rõ _____</p> <p>Nếu có, bao nhiêu phần trăm những người bạn cho phép được ghi nợ, là phụ nữ?</p> <p>____%</p>																																																																																																																																																
<p>THỰC HÀNH VÀ SỰ THAM GIA</p>	<p>28. Trong hoạt động đánh bắt của bạn, ai thường thực hiện những điều sau đây?</p> <table border="1" data-bbox="486 920 1382 2018"> <thead> <tr> <th data-bbox="486 920 759 1025">Hoạt động</th> <th data-bbox="759 920 839 1025">Đàn ông</th> <th data-bbox="839 920 919 1025">Phụ nữ</th> <th data-bbox="919 920 999 1025">Nam thanh niên</th> <th data-bbox="999 920 1078 1025">Phụ nữ trẻ</th> <th data-bbox="1078 920 1158 1025">Các bé trai</th> <th data-bbox="1158 920 1238 1025">Các bé gái</th> <th data-bbox="1238 920 1382 1025">N/A</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="486 1025 759 1104">a) Đăng ký quy trình và văn bản pháp lý</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="486 1104 759 1155">b) Thuê thuyền viên</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="486 1155 759 1229">c) Lên kế hoạch cho chuyến biển</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="486 1229 759 1303">d) Chuẩn bị thuyền và các trang thiết bị</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="486 1303 759 1355">e) Mua nhiên liệu</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="486 1355 759 1406">f) Mua mỗi câu</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="486 1406 759 1480">g) Chuẩn bị lương thực và thức uống</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="486 1480 759 1554">h) Chuẩn bị các vật dụng và ngư cụ</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="486 1554 759 1628">i) Vận hành động cơ thuyền</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="486 1628 759 1680">j) Tìm kiếm đàn cá</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="486 1680 759 1731">k) Thả lưới</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="486 1731 759 1783">l) Lặn</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="486 1783 759 1834">m) Thu lưới</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="486 1834 759 1886">n) Cắt máu</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="486 1886 759 1937">o) Chặt cá</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="486 1937 759 1989">p) Xếp cá vào hầm</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> <tr> <td data-bbox="486 1989 759 2018">q) Bảo quản đá</td> <td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td><td></td> </tr> </tbody> </table>	Hoạt động	Đàn ông	Phụ nữ	Nam thanh niên	Phụ nữ trẻ	Các bé trai	Các bé gái	N/A	a) Đăng ký quy trình và văn bản pháp lý								b) Thuê thuyền viên								c) Lên kế hoạch cho chuyến biển								d) Chuẩn bị thuyền và các trang thiết bị								e) Mua nhiên liệu								f) Mua mỗi câu								g) Chuẩn bị lương thực và thức uống								h) Chuẩn bị các vật dụng và ngư cụ								i) Vận hành động cơ thuyền								j) Tìm kiếm đàn cá								k) Thả lưới								l) Lặn								m) Thu lưới								n) Cắt máu								o) Chặt cá								p) Xếp cá vào hầm								q) Bảo quản đá							
Hoạt động	Đàn ông	Phụ nữ	Nam thanh niên	Phụ nữ trẻ	Các bé trai	Các bé gái	N/A																																																																																																																																										
a) Đăng ký quy trình và văn bản pháp lý																																																																																																																																																	
b) Thuê thuyền viên																																																																																																																																																	
c) Lên kế hoạch cho chuyến biển																																																																																																																																																	
d) Chuẩn bị thuyền và các trang thiết bị																																																																																																																																																	
e) Mua nhiên liệu																																																																																																																																																	
f) Mua mỗi câu																																																																																																																																																	
g) Chuẩn bị lương thực và thức uống																																																																																																																																																	
h) Chuẩn bị các vật dụng và ngư cụ																																																																																																																																																	
i) Vận hành động cơ thuyền																																																																																																																																																	
j) Tìm kiếm đàn cá																																																																																																																																																	
k) Thả lưới																																																																																																																																																	
l) Lặn																																																																																																																																																	
m) Thu lưới																																																																																																																																																	
n) Cắt máu																																																																																																																																																	
o) Chặt cá																																																																																																																																																	
p) Xếp cá vào hầm																																																																																																																																																	
q) Bảo quản đá																																																																																																																																																	

r) Bốc dỡ cá							
s) Cân cá							
t) Phân loại chất lượng							
u) Kiểm tra							
v) Dán nhãn							
w) Thương lượng với người mua							
x) Vận chuyển đến người mua							
y) Nhận thanh toán							
z) Ghi chép sản lượng							
aa) Ghi chép về tài chính							
bb) Chi trả các khoản chi phí và lương							
cc) Vá sửa lưới và ngư cụ							

29. Một người quan sát cá có tham gia hoạt động đánh bắt cá (trên biển) không?

___ Có

___ Không

Nếu không, tiến hành Câu hỏi số 32.

30. Nếu có, bao nhiêu giám sát viên tham gia vào hoạt động đánh bắt

	Số lượng
Nam	
Nữ	

31. Ai trả tiền cho giám sát viên

___ Công ty của tôi

___ Những người khác, vui lòng ghi rõ _____

___ Tôi không biết

32. Các điều tra viên / nhân viên BFAR có lên thuyền và thu thập các tài liệu của bạn không (trong các địa điểm lên cá)?

___ Vâng

___ Không

Nếu không, hãy đến câu 34.

33. Nếu có, bao nhiêu điều tra viên lên thuyền của bạn (Nơi lên cá)

	Số lượng
Nam	
Nữ	

	<p>34. Bạn có tham gia các hoạt động sau đây không? ___ Có ___ không Nếu không, tiến hành Câu hỏi số 35. Nếu có, ai thường tham dự các hoạt động sau đây?</p>																																				
	<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th style="width: 40%;">Hoạt động</th> <th style="width: 10%;">Đàn ông</th> <th style="width: 10%;">Phụ nữ</th> <th style="width: 10%;">Nam thanh niên</th> <th style="width: 10%;">Phụ nữ trẻ</th> <th style="width: 10%;">Các bé trai</th> <th style="width: 10%;">Các bé gái</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>a) Gặp gỡ (những con người của tổ chức LGUs, NGAs)</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>b) Tập huấn liên quan đến khai thác thủy sản</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>c) Các cuộc gặp gỡ cộng đồng</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>d) Các buổi lắng nghe từ cộng đồng</td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Hoạt động	Đàn ông	Phụ nữ	Nam thanh niên	Phụ nữ trẻ	Các bé trai	Các bé gái	a) Gặp gỡ (những con người của tổ chức LGUs, NGAs)							b) Tập huấn liên quan đến khai thác thủy sản							c) Các cuộc gặp gỡ cộng đồng							d) Các buổi lắng nghe từ cộng đồng							
Hoạt động	Đàn ông	Phụ nữ	Nam thanh niên	Phụ nữ trẻ	Các bé trai	Các bé gái																															
a) Gặp gỡ (những con người của tổ chức LGUs, NGAs)																																					
b) Tập huấn liên quan đến khai thác thủy sản																																					
c) Các cuộc gặp gỡ cộng đồng																																					
d) Các buổi lắng nghe từ cộng đồng																																					
<p>KIẾN THỨC, NIỀM TIN VÀ CẢM NHẬN</p>	<p>35. Dựa trên kinh nghiệm của bạn, bạn đồng ý hoặc không đồng ý với những tuyên bố sau đến mức độ nào? (LƯU Ý: điều tra viên phải đọc từng câu và hỏi người trả lời xem họ đồng ý hay không đồng ý, hoặc họ không có vị trí nào trong vấn đề này.)</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse; text-align: center;"> <thead> <tr> <th style="width: 60%;">Các tuyên bố</th> <th style="width: 15%;">Đồng ý</th> <th style="width: 15%;">Không đồng ý cũng không phản đối</th> <th style="width: 10%;">Không Đồng ý</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>a) Người thu mua là đàn ông thường đưa ra giá cao hơn so với người phụ nữ</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>b) Người thu mua là phụ nữ thường dễ thương lượng hơn so với đàn ông</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>c) Người thu mua là phụ nữ thường quan tâm nhiều hơn về chất lượng cá so với đàn ông.</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>d) Người thu mua là đàn ông thường trả tiền nhanh hơn so với người thu mua là phụ nữ</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>e) Sẽ dễ dàng hơn khi thu tiền từ người thu mua là phụ nữ hơn đàn ông.</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>f) Người phụ nữ được khuyến khích tham gia vào các chuyến đánh bắt</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>g) Phụ nữ mang thai khi lên tàu sẽ mang những điều không may mắn</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>h) Những người phụ nữ đang ở thời kỳ kinh nguyệt sẽ mang những may mắn đến chuyến biển</td> <td></td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>	Các tuyên bố	Đồng ý	Không đồng ý cũng không phản đối	Không Đồng ý	a) Người thu mua là đàn ông thường đưa ra giá cao hơn so với người phụ nữ				b) Người thu mua là phụ nữ thường dễ thương lượng hơn so với đàn ông				c) Người thu mua là phụ nữ thường quan tâm nhiều hơn về chất lượng cá so với đàn ông.				d) Người thu mua là đàn ông thường trả tiền nhanh hơn so với người thu mua là phụ nữ				e) Sẽ dễ dàng hơn khi thu tiền từ người thu mua là phụ nữ hơn đàn ông.				f) Người phụ nữ được khuyến khích tham gia vào các chuyến đánh bắt				g) Phụ nữ mang thai khi lên tàu sẽ mang những điều không may mắn				h) Những người phụ nữ đang ở thời kỳ kinh nguyệt sẽ mang những may mắn đến chuyến biển			
Các tuyên bố	Đồng ý	Không đồng ý cũng không phản đối	Không Đồng ý																																		
a) Người thu mua là đàn ông thường đưa ra giá cao hơn so với người phụ nữ																																					
b) Người thu mua là phụ nữ thường dễ thương lượng hơn so với đàn ông																																					
c) Người thu mua là phụ nữ thường quan tâm nhiều hơn về chất lượng cá so với đàn ông.																																					
d) Người thu mua là đàn ông thường trả tiền nhanh hơn so với người thu mua là phụ nữ																																					
e) Sẽ dễ dàng hơn khi thu tiền từ người thu mua là phụ nữ hơn đàn ông.																																					
f) Người phụ nữ được khuyến khích tham gia vào các chuyến đánh bắt																																					
g) Phụ nữ mang thai khi lên tàu sẽ mang những điều không may mắn																																					
h) Những người phụ nữ đang ở thời kỳ kinh nguyệt sẽ mang những may mắn đến chuyến biển																																					

	<p>36. Tôi sẽ đọc các tuyên bố và cho mỗi câu xin vui lòng cho biết chúng là đúng hay sai: (LƯU Ý: điều tra viên đọc từng câu và hỏi người trả lời nếu họ tin rằng mỗi câu là ĐÚNG hoặc SAI)</p> <table border="1" data-bbox="483 387 1385 999"> <thead> <tr> <th></th> <th>Đúng</th> <th>Sai</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Cá ngừ là loài cá di cư</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Những ngư dân đánh bắt thương mại không được phép đánh cá trong 15km giới hạn của vùng biển trong thành phố</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Kích thước hợp pháp của lưới vây để bắt cá ngừ là 3 cm</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Chính quyền thành phố yêu cầu về việc đăng ký tàu lưới vây</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Cá ngừ vẫn là một loại cá ngừ</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Một tàu khai thác có gắn cờ Philippine được cho phép khai thác tại vùng biển cả 1,2 và 3 trong khu vực Trung Tây Thái Bình Dương.</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Một tàu khai thác cá ngừ có thể xuất khẩu cá ngừ đến EU cho dù không cần nộp nhập ký khai thác.</td> <td></td> <td></td> </tr> <tr> <td>Để đảm bảo hoạt động truy xuất nguồn gốc, các nhãn của sản phẩm cá ngừ nên được bao gồm tên của tàu đã đánh bắt</td> <td></td> <td></td> </tr> </tbody> </table>		Đúng	Sai	Cá ngừ là loài cá di cư			Những ngư dân đánh bắt thương mại không được phép đánh cá trong 15km giới hạn của vùng biển trong thành phố			Kích thước hợp pháp của lưới vây để bắt cá ngừ là 3 cm			Chính quyền thành phố yêu cầu về việc đăng ký tàu lưới vây			Cá ngừ vẫn là một loại cá ngừ			Một tàu khai thác có gắn cờ Philippine được cho phép khai thác tại vùng biển cả 1,2 và 3 trong khu vực Trung Tây Thái Bình Dương.			Một tàu khai thác cá ngừ có thể xuất khẩu cá ngừ đến EU cho dù không cần nộp nhập ký khai thác.			Để đảm bảo hoạt động truy xuất nguồn gốc, các nhãn của sản phẩm cá ngừ nên được bao gồm tên của tàu đã đánh bắt		
	Đúng	Sai																										
Cá ngừ là loài cá di cư																												
Những ngư dân đánh bắt thương mại không được phép đánh cá trong 15km giới hạn của vùng biển trong thành phố																												
Kích thước hợp pháp của lưới vây để bắt cá ngừ là 3 cm																												
Chính quyền thành phố yêu cầu về việc đăng ký tàu lưới vây																												
Cá ngừ vẫn là một loại cá ngừ																												
Một tàu khai thác có gắn cờ Philippine được cho phép khai thác tại vùng biển cả 1,2 và 3 trong khu vực Trung Tây Thái Bình Dương.																												
Một tàu khai thác cá ngừ có thể xuất khẩu cá ngừ đến EU cho dù không cần nộp nhập ký khai thác.																												
Để đảm bảo hoạt động truy xuất nguồn gốc, các nhãn của sản phẩm cá ngừ nên được bao gồm tên của tàu đã đánh bắt																												
<p>PHÁP LÝ, QUYỀN VÀ TRẠNG THÁI</p>	<p>37. Bạn có biết về các chính sách / luật liên quan đến nghề cá không? (LƯU Ý: Người phỏng vấn phải có kiến thức làm việc về từng luật được liệt kê.) ___ Có ___ không</p> <p>Nếu có, những luật / chính sách mà bạn biết là gì? (LƯU Ý: Người trả lời phải tự trả lời và người phỏng vấn chỉ đánh dấu vào luật được đề cập). Nếu không, tiến hành Câu hỏi số 38.</p> <table border="1" data-bbox="502 1301 1377 1715"> <thead> <tr> <th></th> <th>Kiểm tra nếu người trả lời để cập đến pháp luật</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>a) Bộ luật Thủy sản Phillipines 1998</td> <td></td> </tr> <tr> <td>b) Sửa đổi Bộ Luật thủy sản 2015</td> <td></td> </tr> <tr> <td>c) Luật khai thác năm 2007</td> <td></td> </tr> <tr> <td>d) Bộ luật chính quyền địa phương năm 1991</td> <td></td> </tr> <tr> <td>e) Công ước về bảo tồn và quản lý trữ lượng đàn cá di cư ở Trung Tây Thái Bình Dương</td> <td></td> </tr> <tr> <td>f) Các trả lời khác</td> <td></td> </tr> </tbody> </table>		Kiểm tra nếu người trả lời để cập đến pháp luật	a) Bộ luật Thủy sản Phillipines 1998		b) Sửa đổi Bộ Luật thủy sản 2015		c) Luật khai thác năm 2007		d) Bộ luật chính quyền địa phương năm 1991		e) Công ước về bảo tồn và quản lý trữ lượng đàn cá di cư ở Trung Tây Thái Bình Dương		f) Các trả lời khác														
	Kiểm tra nếu người trả lời để cập đến pháp luật																											
a) Bộ luật Thủy sản Phillipines 1998																												
b) Sửa đổi Bộ Luật thủy sản 2015																												
c) Luật khai thác năm 2007																												
d) Bộ luật chính quyền địa phương năm 1991																												
e) Công ước về bảo tồn và quản lý trữ lượng đàn cá di cư ở Trung Tây Thái Bình Dương																												
f) Các trả lời khác																												

38. Vui lòng trả lời CÓ hoặc KHÔNG khi trả lời những điều sau về công ty bạn làm việc

	Có	Không	N/A
a) Hiện tại bạn có được bảo vệ bởi SSS?			
b) Bạn có được bảo vệ bởi PhilHealth?			
c) Bạn có nhân viên nào dưới 15 tuổi trong công ty không?			
d) Bạn có để lại lợi ích không?			
e) Bạn có được nghỉ thai sản không?			
f) Bạn có được bảo hiểm tai nạn không?			
g) Bạn có được yêu cầu mang thẻ nhân viên của công ty?			
h) Bạn có được trả mức lương tối thiểu không?			
i) Bạn có được công ty cung cấp cho quần áo bảo hộ không?			
j) Bạn có được cung cấp kính bảo hộ không?			
k) Bạn có sử dụng găng tay bảo hộ trong quá trình xử lý cá ngừ không?			
l) Khu vực làm việc của bạn có thông thoáng không?			
m) Khu vực làm việc của bạn có ánh sáng tốt không?			
n) Tàu của bạn có chỗ ngủ an toàn cho phụ nữ không?			
o) Tàu của bạn có phòng thoải mái và tách biệt cho phụ nữ không?			

39. Đối với cùng loại công việc, mức lương của bạn so với đối tác nam / nữ như thế nào? Vui lòng chọn một trong ba câu mà tôi sẽ đọc cho bạn, vì đó là câu nói thể hiện rõ nhất niềm tin của bạn.

Các lựa chọn	Câu trả lời
Người đàn ông được trả cao hơn phụ nữ	
Người đàn ông và phụ nữ được trả ngang nhau	
Người đàn ông được trả thấp hơn phụ nữ	

QUYỀN LỰC VÀ ĐƯA RA QUYẾT ĐỊNH

40. Ai đưa ra quyết định trong gia đình bạn về những điều sau đây? (LƯU Ý: điều tra viên đọc từng khu vực quyết định và yêu cầu người trả lời chọn người có tiếng nói cuối cùng về vấn đề này. Tuy nhiên, nếu người được hỏi khẳng định rằng đó là quyết định chung giữa hai người, thì hãy kiểm tra cả hai người ra quyết định)

Lĩnh vực đưa ra quyết định	BỐ	MẸ	CON GÁI	CON TRAI	Thành viên là đàn ông khác trong hộ gia đình	Thành viên là phụ nữ khác trong hộ gia đình
a) Giáo dục						
b) Chuẩn bị thức ăn/ mua sắm						
c) Lập ngân sách chi tiêu						
d) Các hoạt động giải trí						
e) Sức khỏe						
f) Nguyên tắc						
g) Tham gia cộng đồng						

41. Ai đưa ra quyết định liên quan đến hoạt động đánh bắt cá? (LƯU Ý: điều tra viên đọc từng khu vực quyết định và yêu cầu người trả lời chọn người có tiếng nói cuối cùng về vấn đề này. Tuy nhiên, nếu người được hỏi khẳng định rằng đó là quyết định chung giữa hai người, thì hãy kiểm tra cả hai người ra quyết định)

Lĩnh vực quyết định	Người trả lời	Chồng/ Vợ	Đồng nghiệp nam	Đồng nghiệp nữ	N/A
Việc mua ngư cụ/ và các trang thiết bị câu cá					
Ngư trường đánh bắt					
Tài chính cho chuyến biển					
Bán và phân phối sản phẩm					
Đưa ra giá					
Thời gian khai thác					
Thuê nhân lực					

42. Có bất kỳ các hoạt động/ dự án liên quan đến nghề cá nào ở cộng đồng của bạn không?
 ___ Có ___ Không

	<p>43. Nếu có, xin vui lòng cho biết thêm bạn có tham gia trong dự án đó không?</p> <table border="1" data-bbox="507 286 1388 869"> <thead> <tr> <th data-bbox="507 286 834 398">Hoạt động cộng đồng</th> <th data-bbox="834 286 949 398">Chưa bao giờ</th> <th data-bbox="949 286 1064 398">Thỉnh thoảng</th> <th data-bbox="1064 286 1181 398">Thường xuyên</th> <th data-bbox="1181 286 1295 398">Luôn tham gia</th> <th data-bbox="1295 286 1388 398">N/A</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td data-bbox="507 398 834 454">Hội họp</td> <td data-bbox="834 398 949 454"></td> <td data-bbox="949 398 1064 454"></td> <td data-bbox="1064 398 1181 454"></td> <td data-bbox="1181 398 1295 454"></td> <td data-bbox="1295 398 1388 454"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="507 454 834 510">Tập huấn</td> <td data-bbox="834 454 949 510"></td> <td data-bbox="949 454 1064 510"></td> <td data-bbox="1064 454 1181 510"></td> <td data-bbox="1181 454 1295 510"></td> <td data-bbox="1295 454 1388 510"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="507 510 834 589">Điều trần công khai/ Cộng đồng</td> <td data-bbox="834 510 949 589"></td> <td data-bbox="949 510 1064 589"></td> <td data-bbox="1064 510 1181 589"></td> <td data-bbox="1181 510 1295 589"></td> <td data-bbox="1295 510 1388 589"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="507 589 834 645">Xã hội</td> <td data-bbox="834 589 949 645"></td> <td data-bbox="949 589 1064 645"></td> <td data-bbox="1064 589 1181 645"></td> <td data-bbox="1181 589 1295 645"></td> <td data-bbox="1295 589 1388 645"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="507 645 834 701">Các nghiên cứu</td> <td data-bbox="834 645 949 701"></td> <td data-bbox="949 645 1064 701"></td> <td data-bbox="1064 645 1181 701"></td> <td data-bbox="1181 645 1295 701"></td> <td data-bbox="1295 645 1388 701"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="507 701 834 757">Thành viên uỷ ban</td> <td data-bbox="834 701 949 757"></td> <td data-bbox="949 701 1064 757"></td> <td data-bbox="1064 701 1181 757"></td> <td data-bbox="1181 701 1295 757"></td> <td data-bbox="1295 701 1388 757"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="507 757 834 813">Thành viên hiệp hội</td> <td data-bbox="834 757 949 813"></td> <td data-bbox="949 757 1064 813"></td> <td data-bbox="1064 757 1181 813"></td> <td data-bbox="1181 757 1295 813"></td> <td data-bbox="1295 757 1388 813"></td> </tr> <tr> <td data-bbox="507 813 834 869">Quản lý tài nguyên ven biển</td> <td data-bbox="834 813 949 869"></td> <td data-bbox="949 813 1064 869"></td> <td data-bbox="1064 813 1181 869"></td> <td data-bbox="1181 813 1295 869"></td> <td data-bbox="1295 813 1388 869"></td> </tr> </tbody> </table>	Hoạt động cộng đồng	Chưa bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Luôn tham gia	N/A	Hội họp						Tập huấn						Điều trần công khai/ Cộng đồng						Xã hội						Các nghiên cứu						Thành viên uỷ ban						Thành viên hiệp hội						Quản lý tài nguyên ven biển					
Hoạt động cộng đồng	Chưa bao giờ	Thỉnh thoảng	Thường xuyên	Luôn tham gia	N/A																																																		
Hội họp																																																							
Tập huấn																																																							
Điều trần công khai/ Cộng đồng																																																							
Xã hội																																																							
Các nghiên cứu																																																							
Thành viên uỷ ban																																																							
Thành viên hiệp hội																																																							
Quản lý tài nguyên ven biển																																																							
<p>THỜI GIAN & KHÔNG GIAN</p>	<p>Đối với thời gian:</p> <p>Một ngày điển hình cho bạn bắt đầu vào buổi sáng cho đến khi nghỉ làm để đi ngủ, khi bạn tham gia vào cả công việc và các hoạt động gia đình? (Hỏi xem ai làm vai trò sinh sản mà không được đề cập).</p> <p>Đối với không gian:</p> <p>Nơi nào bạn thực hiện các nhiệm vụ kinh tế (ví dụ: xử lý, bán, giao dịch) mà bạn đã đề cập? Ví dụ: (Có an toàn không khi cho rằng các tác vụ sinh sản là ở nhà) (Xem Phụ lục V để biết mẫu ghi âm).</p> <p>Ngoài các nhiệm vụ được đề cập ở trên, bạn còn thực hiện những nhiệm vụ nào khác? Có thể không phải trên cơ sở hàng ngày nhưng đang được thực hiện một lần / hai lần / ba lần trong một tuần?</p>																																																						

PHỤ LỤC VII. CÁC HỆ THỐNG MẠNG LƯỚI ĐƯỢC KIẾN NGHỊ VÀ NGUỒN TÀI LIỆU THAM KHẢO VỀ BÌNH ĐẲNG GIỚI

Phần này chứa các liên kết đến phụ nữ / nhóm giới, xã hội, tổ chức và các tập thể khác dành (chính thức hoặc không chính thức) để thúc đẩy hoặc làm nổi bật vai trò của phụ nữ / giới, các mối quan hệ và vấn đề trong nuôi trồng thủy sản, thủy sản, sau thu hoạch và bảo tồn thủy sản. Truy cập www.genderaquafish.org/discover-gaf/gaf-networks-and-resource/ để biết các liên kết để chọn tài nguyên bên dưới.

Cộng đồng nghề cá Châu Á –

- Phiên thảo luận: Giới tính trong Nuôi trồng Thủy sản và Nghề cá – www.genderaquafish.org/gaf-section/
- Tài nguyên về Giới/Phụ nữ/nghề cá và Nuôi trồng Thủy sản – www.genderaquafish.org/resources-3/asian-fisheries-society-genderwomen-and-fisheries-resources/

Mạng lưới phụ nữ châu Phi trong ngành thủy sản – www.comhafat.org/en/reseaux.php?id=3

Cộng đồng phụ nữ châu Úc – www.winsc.org.au/

Liên minh châu Âu –

- Phụ nữ trong nghề cá ở Châu Âu – www.eptthinktank.eu/2013/10/14/women-and-fisheries-in-the-european-union/
- Các vấn đề về giới liên quan tới chính sách – www.eige.europa.eu/gender-mainstreaming/sectoral-areas/maritime-affairs-and-fisheries
- Tổ chức Mạng lưới phụ nữ Châu Âu trong Nghề cá và Nuôi trồng Thủy sản – www.akteaplatform.eu/?lang=es; www.twitter.com/AKTEAwif

FAO –

- Lồng ghép Giới tính (Chương trình về Giới tính) – www.fao.org/gender/gender-home/en/
- Phòng Nghề cá và Nuôi trồng Thủy sản của FAO (Giới tính, nghề cá và Nuôi trồng thủy sản) – www.fao.org/fishery/topic/16605/en
- Chương trình sinh kế nghề cá khu vực Nam và Đông Nam Á của – www.fao.org/fishery/rflp/en

Hội phụ nữ nghề cá Fiji – www.womeninfisheriesfiji.org/

Tập thể quốc tế hỗ trợ người làm nghề thủy sản – www.icsf.net/en/yemaya.html

Mundus Maris, Khoa học và Nghệ thuật cho sự bền vững – www.mundusmaris.org/

OECD Wikigender – www.wikigender.org/index.php/Gender_and_Fisheries

Red Española de Mujeres en el Sector Pesquero (Mạng lưới Phụ nữ trong nghề cá Tây Ban Nha) – www.mapama.gob.es/en/pesca/temas/red-mujeres/

SEAFDEC –

- Hội thảo chuyên gia về Tiếp cận Khu vực để triển khai Hướng dẫn Tự nguyện của FAO về Nghề cá quy mô nhỏ bền vững: Tiếp cận dựa trên quyền con người và Bình đẳng giới – www.seafdec.org/download/report-of-the-expert-workshop-on-regional-approach-for-the-implementation-of-fao-voluntary-guidelines-for-securing-sustainable-small-scale-fisheries-human-rights-based-approach-and-gender-equitability/
- Hội thảo chuyên gia về Nghề cá quy mô nhỏ bền vững về Vấn đề tiếp cận dựa trên quyền con người và Bình đẳng giới – www.seafdec.org/experts-workshop-securing-sustainable-small-scale-fisheries-human-rights-based-approach-gender-equitability-issue-organized/
- Fish for the People Vol. 16 No. 2 (2018) – www.repository.seafdec.org/handle/20.500.12066/1374

Ban thư ký Cộng đồng Thái Bình Dương (Thông tin về Phụ nữ trong nghề cá) –

www.spc.int/coastfish/en/publications/bulletins/women-in-fisheries.html

Mạng lưới quốc gia về phụ nữ trong nghề cá ở Philippines – www.womeninfisheriesph.org

Trường Đại học Stirling (Vấn đề Giới trong Nuôi trồng Thủy sản) – www.dfid.stir.ac.uk/dfid/gender/gender.htm

USAID –

- ADS Chương 205 Tích hợp Bình đẳng giới và quyền Phụ nữ trong các Chương trình của USAID – www.usaid.gov/sites/default/files/documents/1870/205.pdf
- Giới tính ở USAID (Bài trình bày) – https://www.usaid.gov/sites/default/files/documents/1865/Gender_USAID.pdf
- Bình đẳng Giới và Chính sách quyền Phụ nữ – https://www.usaid.gov/sites/default/files/documents/1865/GenderEqualityPolicy_0.pdf

Chương trình Đối tác Nghề cá và Đại dương của USAID – www.seafdec-oceanspartnership.org

Ngân hàng thế giới, FAO và IFAD Tài liệu về Giới tính trong Nông nghiệp (Phần Nghề cá và Nuôi trồng Thủy sản – www.siteresources.worldbank.org/INTGENAGRLIVSOUBOOK/Resources/Module13.pdf

Diễn đàn lãnh đạo phụ nữ (Sáng kiến Tam giác san hô cho Rạn san hô, Nghề cá và An ninh Lương thực -CTI-CFF)/(Trung tâm Tam giác San hô-CTC) – www.coraltriangleinitiative.org/wlf

WorldFish (Giới tính là một chủ đề xuyên suốt) – www.worldfishcenter.org/content/gender

WSI (Hiệp hội Quốc tế cho Phụ nữ trong ngành Thủy sản) – www.wsi-asso.org

TÀI LIỆU THAM KHẢO

CHƯƠNG MỘT-

- Agbayani, R.F., D.B. Batticaloa, E.T. Qunitio and D.H. Tormon-West. 2013. Khả năng phục hồi của những người nuôi cá nhỏ đối với biến đổi khí hậu và giá cả thị trường trong các cộng đồng được lựa chọn ở Philippines, pp. 171–179. In M.G. Bondad-Reantaso & R.P. Subasinghe, (eds.) Tăng cường sự đóng góp của nuôi trồng thủy sản quy mô nhỏ vào an ninh lương thực, xóa đói giảm nghèo và phát triển kinh tế xã hội, Tuyển tập số 31 của FAO về Nghề cá và Nuôi trồng Thủy sản, Rome, FAO. 255 trang. Có sẵn tại <https://repository.seafdec.org.ph/handle/10862/2212>.
- Alder, J., Pitcher, T.J., Preikshot, D., Kaschner, K. and Ferriss, B. 2000. Rapfish estimates - how good is good? Pages 136 - 182 in Pauly, D. and Pitcher T.J. (eds) Phương pháp đánh giá tác động của nghề cá đối với hệ sinh thái biển của Bắc Đại Tây Dương. Báo cáo nghiên cứu trung tâm thủy sản 8(2): 195 p. Có sẵn tại: https://www.researchgate.net/publication/223138744_How_Good_is_Good_A_Rapid_Appraisal_Technique_for_Evaluation_of_the_Sustainability_Status_of_Fisheries_of_the_North_Atlantic
- Andrew, N.L., C. Béné, S.J. Hall, E.H. Allison, S. Heck, and B.D. Ratner. 2007. “Chẩn đoán và quản lý nghề cá quy mô nhỏ ở các nước đang phát triển. 8 (3): 227 – 240. Có sẵn tại: <https://www.worldfishcenter.org/content/diagnosis-and-management-small-scale-fisheries-developing-countries>
- Boromthanasarat, S., Z. Hossain, B. Chaijaroenwatana. 2006. Phục hồi rừng ngập mặn do cộng đồng lãnh đạo: Kinh nghiệm từ Cộng đồng Hua Khao, Songkhla, Thái Lan. Tạp chí Phát triển nông thôn châu Á-Thái Bình Dương. 169 p. Có sẵn tại: <http://connection.ebscohost.com/c/articles/24655345/community-led-mangrove-rehabilitation-experiences-from-hua-khao-community-songkhla-thailand>
- Bunce, L. and R. Pomeroy. 2000. Hướng dẫn giám sát kinh tế xã hội cho các nhà quản lý ven biển ở Đông Nam Á: SocMon SEA. Ủy ban Thế giới về Khu bảo tồn và Viện Khoa học Hàng hải Úc. 82 p. Có sẵn tại: https://www.researchgate.net/publication/263247439_Socioeconomic_Monitoring_Guidelines_for_Coastal_Managers_in_Southeast_Asia_SocMonSEA
- Bunce, L. P. Townsley, R. Pomeroy and R. Pollnac. 2003. Hướng dẫn kinh tế xã hội để quản lý rạn san hô. Viện Khoa học Hàng hải Úc. 251 p. Có sẵn tại: <http://citeseerx.ist.psu.edu/viewdoc/download?doi=10.1.1.431.4362&rep=rep1&type=pdf>
- Campbell, J.R. 2001. Đánh giá nông thôn có sự tham gia như nghiên cứu định tính: Phân biệt các vấn đề phương pháp luận với các yêu cầu có sự tham gia. Tổ chức con người. 60(4):380-389. Có sẵn tại: <http://sfaajournals.net/doi/abs/10.17730/humo.60.4.4bgnlmy60fkqv4r2?code=apan-site&journalCode=humo>
- Carolino. A. 2017. Hội thảo lập bản đồ chuỗi giá trị - Phân tích về giới của ngành thủy sản ở khu vực General Santos. Một bài viết được trình bày trong Writeshop để soạn thảo Hướng dẫn đánh giá nhanh / Phụ lục về phương pháp tiếp cận hệ sinh thái để quản lý nghề cá (EAFM) và Tài liệu khai thác và truy xuất nguồn gốc (CDT), 4-8 December 2017, Quezon City, Philippines.
- Chambers, R. 1980. Đánh giá nông thôn nhanh chóng: lý do và các dẫn chứng. Bàn luận. Pap. 155. Viện nghiên cứu phát triển, Brighton, Vương quốc Anh. Có sẵn tại: http://www.parkdatabase.com/documents/download/1981_chambers_rapid_rural_appraisal_rationale_and_repertoire_3.pdf
- Chambers, R. 1992. Đánh giá nông thôn: Nhanh chóng, thư giãn và có sự tham gia. Viện nghiên cứu phát triển. IDS Discussion Paper 311. 68 p. Có sẵn tại: <https://www.ids.ac.uk/files/Dp311.pdf>
- Chambers, R. 1994a. Đánh giá nông thôn có sự tham gia (PRA): Phân tích kinh nghiệm. Phát triển thế giới. 22(9): 1253-1268. Có sẵn tại: <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/0305750X94900302>
- Chambers, R. 1994b. Đánh giá nông thôn có sự tham gia (PRA): Thách thức, tiềm năng và mô hình. Phát triển thế giới. 22(10): 1437-1454. Có sẵn tại: [.com/science/article/pii/0305750X94900302](https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/0305750X94900302)
- Chowdhury, M.A, A. Yakupitiyage. 2000. Hiệu quả của hệ thống quản lý hồ oxbow ở Bangladesh để giới thiệu nuôi cá lồng cho nghề cá nghèo tài nguyên. Quản lý & Sinh thái Thủy sản. 10 p. Có sẵn tại: <https://onlinelibrary.wiley.com/doi/pdf/10.1046/j.1365-2400.2000.00187.x>

- Cinco, E. 2017. Bắt tài liệu và hệ thống truy xuất nguồn gốc trong Khu vực General Santos. Một bài báo được trình bày trong Writeshop để soạn thảo Hướng dẫn đánh giá nhanh / Phụ lục về phương pháp tiếp cận hệ sinh thái để quản lý nghề cá (EAFM) và Tài liệu khai thác và truy xuất nguồn gốc (CDT), 4-8 tháng 12 năm 2017, Thành phố Quezon, Philippines.
- Collinson, M.P. 1981. Khảo sát thăm dò: nội dung, phương pháp và hướng dẫn chi tiết với nông dân. Nông trại Syst. Newsl. 5.
- Conway, G. 1985. Phân tích hệ thống nông nghiệp. Agric. Adm. 20: 31-35. Có sẵn tại: <http://citeseerx.ist.psu.edu/viewdoc/download?doi=10.1.1.473.7772&rep=rep1&type=pdf>
- Conway, G. 1987. Các tính chất của hệ thống nông nghiệp. Agric. Syst. 24: 95-117. Có sẵn tại: https://econpapers.repec.org/article/eeeagisys/v_3a24_3ay_3a1987_3ai_3a2_3ap_3a95-117.htm
- Cornwall, A. and G. Pratt. 2011. Việc sử dụng và lạm dụng thẩm định nông thôn có sự tham gia: những phản ánh từ thực tiễn. Nông nghiệp và giá trị con người. 28(2):263–272. Có sẵn tại: <ftp://ftp.itc.nl/pub/pgis/PGIS%20Articles/The%20use%20and%20abuse%20of%20participatory%20rural%20appraisal%20-%20Cornwall%20Pratt.pdf>
- Das, N.G., M.S. Hossain & M.S. Islam. 2009. Khu vực ngập nước như một chân trời mới để phát triển nuôi trồng thủy sản: Giấc mơ vàng đối với các cộng đồng nông thôn ở Begumgonj, Noakhali. Tạp chí Khoa học và Thủy sản Bangladesh. 1 (1): 47-62. Có sẵn tại: https://www.researchgate.net/profile/M_Shahadat_Hossain/publication/215792005_Waterlogged_Area_as_New_Horizon_for_Aquaculture_Development_A_Golden_Dream_to_the_Rural_Communities_of_Begumgonj_Noakhali/links/0046351824f6202ca8000000/Waterlogged-Area-as-New-Horizon-for-Aquaculture-Development-A-Golden-Dream-to-the-Rural-Communities-of-Begumgonj-Noakhali.pdf
- Dela Peña, H. P., M.D. Pido, E.M.C.C. Ponce de Leon, M.A. M. de las Alas, J.G. Buenconsejo, Jr. and N.S. Parcon. 2012. Duy trì các nguồn lợi thủy sản ven biển ở San Vicente, Palawan. Tạp chí BIMP-EAGA vì sự phát triển du lịch bền vững. 1 (1) 33-46. Có sẵn tại: <http://jurcon.ums.edu.my/ojums/index.php/j-sustainable-tourism/article/download/937/58>; https://www.researchgate.net/publication/283664484_SUSTAINING_THE_COASTAL_FISHERY_RESOURCES_IN_SAN_VICENTE_PALAWAN
- Eriksson, H., Adhuri D.S., Adrianto, L., Andrew, N.L., Apriliani, T., Daw, T., Evans, L., Garces, L.R., Kamanyi, E., Mwaipopo, R., Purnomo, A.H., Sulu, R.J., Beare, D.J. 2016. Một cách tiếp cận hệ sinh thái đối với nghề cá quy mô nhỏ thông qua chẩn đoán có sự tham gia ở bốn nước nhiệt đới. Thay đổi môi trường toàn cầu, 36: 56–66. Có sẵn tại: <https://ore.exeter.ac.uk/repository/bitstream/handle/10871/20376/Eriksson%20et%20al.%20Accepted.%20Participatory%20diagnosis%20and%20adaptive%20management.docx?sequence=1>
- FAO (Tổ chức Nông – Lương Liên hiệp quốc). 1995. Quy tắc ứng xử nghề cá có trách nhiệm. 41 p. Rome, Italy. Có sẵn tại: <http://www.fao.org/3/a-v9878e.pdf>
- FAO. 2003. Quản lý nghề cá: cách tiếp cận hệ sinh thái. Hướng dẫn kỹ thuật cho nghề cá có trách nhiệm. Phần bổ sung 2. Rome. Có sẵn tại: <http://www.fao.org/3/a-i1146e.pdf>
- FAO. 2005. Đưa vào thực tiễn cách tiếp cận hệ sinh thái đối với nghề cá. Có sẵn tại: <http://www.fao.org/docrep/009/a0191e/A0191E00.htm>
- FAO. 2007. Tăng sự đóng góp của nghề cá quy mô nhỏ trong xóa đói giảm nghèo và an ninh lương thực. Giấy kỹ thuật thủy sản FAO. No 481. Rome. Có sẵn tại: www.fao.org/docrep/009/a0965e/a0965e00.htm
- FAO. 2014. Hướng dẫn tự nguyện để đảm bảo nghề cá quy mô nhỏ bền vững trong bối cảnh an ninh lương thực và xóa đói giảm nghèo. FAO: Rome. Garcia, S.M. và Cochrane, K.L. 2005. Phương pháp tiếp cận hệ sinh thái đối với nghề cá: đánh giá các hướng dẫn thực hiện. Tạp chí khoa học biển ICES 62 (3): 311-318. Có sẵn tại: <http://www.fao.org/3/i4356en/I4356EN.pdf>
- Fox, P. 1986. Sổ tay của các kỹ thuật nhanh chóng thẩm định cho nghề cá ven biển Philippine: giải quyết vấn đề và xác định dự án. Phòng nghiên cứu, Cục Thủy sản và Thủy sản, Thành phố Quezon, Philippines.

- Friends of the Nation. 2010. Báo cáo đánh giá các ngư trường ở phía đông Nzema và the phía tây Ahanta. Takoradi, Ghana: Friends of the Nation. 15 p.
- Garces, L.R., A. Tewfik, M.D. Pido, N. Fatan, D. Adhuri, N. Andrew, M. 2006. Phục hồi nghề cá trong hậu sóng thần Aceh: Tình trạng và nhu cầu từ các đánh giá có sự tham gia. NAGA, WorldFish Center Quarterly. 29(3-4):19-30. Có sẵn tại: <https://www.worldfishcenter.org/content/fisheries-rehabilitation-post-tsunami-aceh-status-and-needs-participatory-appraisals>
- Garces, L.R., M.D. Pido, R.S. Pomeroy, S. Koeshendrajana, B. Iskandar Prisantoso, N. Ahmad Fatan, D. Adhuri, T. Raiful, S. Rizal, A. Tewfik and M. Dey. 2010. Đánh giá nhanh nhu cầu của cộng đồng và tình trạng nghề cá trong các cộng đồng bị ảnh hưởng bởi sóng thần ở tỉnh Aceh, Indonesia. Quản lý vùng biển và bờ biển. 53: 69–79. Có sẵn tại: <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/S096456910900163X>
- Garces, L.R., M.L. Perez, A.C. Alolod, I.L.J. Buendia, L.S. Callanta, L.B. Santos III, P.J.B. Ramirez and M.D. Pido. 2013. Vận hành phương pháp tiếp cận hệ sinh thái để quản lý nghề cá quy mô nhỏ ở Philippines: Liên minh Ilam Bay của Misamis. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Châu Á.10(2): 15-37. Có sẵn tại: <https://www.worldfishcenter.org/content/operationalizing-ecosystem-approach-small-scale-fisheries-management-philippines-iligan-bay>
- Garces, L. 2017a. Các ứng dụng RAFMS trong trang web học tập General Santos, Philippines. Một bài viết được trình bày trong Writeshop để soạn thảo Hướng dẫn đánh giá nhanh / Phụ lục về phương pháp tiếp cận hệ sinh thái để quản lý nghề cá (EAFM) và Tài liệu khai thác và truy xuất nguồn gốc (CDT), ngày 4 tháng 8 năm 2017, Thành phố Quezon, Philippines.
- Garces, L. 2017b. Phương pháp tiếp cận hệ sinh thái để quản lý nghề cá quy mô nhỏ ở Misamis Occidental. Một bài viết được trình bày trong Writeshop để soạn thảo Hướng dẫn đánh giá nhanh / Phụ lục về phương pháp tiếp cận hệ sinh thái để quản lý nghề cá (EAFM) và Tài liệu khai thác và truy xuất nguồn gốc (CDT), ngày 4 tháng 8 năm 2017, Thành phố Quezon, Philippines.
- Garcia, S.J., Allison, E.H., Andrew, N.L., Bene, C., Bianchi, G., de Graaf, G., Kalikoski, G.J., Mahon, R. and Orensanz, J.M. 2008. Hướng tới đánh giá và tư vấn tích hợp trong nghề cá quy mô nhỏ: nguyên tắc và quy trình. FAO Tài liệu kỹ thuật thủy sản và nuôi trồng thủy sản số 515. Rome,FAO. Có sẵn tại: <http://www.fao.org/3/a-i0326e.pdf>
- Hildebrand, P. 1981. Kết hợp các nguyên tắc trong đánh giá nhanh: Phương pháp Sondeo. Nông nghiệp. Đô đốc 8 (6) 423-432. Có sẵn tại <http://www.participatorymethods.org/resource/combining-disciplines-rapid-appraisal-sondeo-approach>
- Holland, Jason. 2015. Rabobank: Hải sản là loại protein động vật được giao dịch rộng rãi nhất trên thế giới. <http://www.seafoodsource.com/news/supply-trade/27854-rabobank-seafood-is-world-s-most-widely-traded-animal-protein>. 18/032015 (Truy cập ngày 3/4/2017).
- Hossain, M.S., S.R. Chowdhury, M.A.T. Chowdhury. 2007. Tích hợp Viễn thám, GIS và Phương pháp tiếp cận có sự tham gia cho Phân vùng sử dụng tài nguyên đảo ven biển ở Bangladesh. Songklanakarin Tạp chí Khoa học Xã hội và Nhân văn.22 p. Có sẵn tại: <http://citeseerx.ist.psu.edu/viewdoc/download?doi=10.1.1.487.8651&rep=rep1&type=pdf>
- Hossain, MS., S.R. Chowdhury, S. M. Abdul Jabbar, S.M. Saifullah, M. A. Rahman. 2008. Nguy cơ sức khỏe nghề nghiệp của công nhân tháo dỡ tàu tại khu vực ven biển Chittagong, Bangladesh. Đại học Chiang Mai. 12 trang https://www.researchgate.net/publication/236015280_Occupational_Health_Hazards_of_Ship_Scrapping_Workers_at_Chittagong_Coastal_Zone_Bangladesh
- Howes, J. 1987. Kỹ thuật đánh giá nhanh chóng để đánh giá vùng đất ngập nước ven biển. Kết quả hội thảo, 1-7 March 1987, Selangor, West Malaysia. Interwader Publ. 24.
- Kittinger, J.N. 2013. Đánh giá cộng đồng đánh cá có sự tham gia để hỗ trợ sự kết hợp nghề cá rạn san hô. Pacific Science. 67(3):361-381. DOI: <http://dx.doi.org/10.2984/67.3.5>. Có sẵn tại: <http://www.bioone.org/doi/full/10.2984/67.3.5>

- Lamug, C.B. 1996. Đánh giá có sự tham gia và lập kế hoạch cho quản lý tài nguyên ven biển dựa vào cộng đồng: Một nghiên cứu điển hình của Philippines. Báo cáo trình bày trong Hội nghị thường niên lần thứ 6 của Hiệp hội quốc tế về nghiên cứu tài sản chung "Những tiếng nói từ cộng đồng" Berkeley, California, Hoa Kỳ. 23 tr.
- Lobe, K. and F. Berkes. 2004. Hệ thống Padu của Quản lý nghề cá dựa vào cộng đồng: Thay đổi và đổi mới thể chế địa phương ở Nam Ấn Độ. Yêu tinh khác. Viện Tài nguyên thiên nhiên, Đại học Manitoba, 70 Dysart Road, Winnipeg, Man., Canada R3T 2N2. 11 p. Có sẵn tại: [https://www.umanitoba.ca/institutes/natural_resources/canadaresearchchair/Kenton\[1\].Mar.Pol.04.pdf](https://www.umanitoba.ca/institutes/natural_resources/canadaresearchchair/Kenton[1].Mar.Pol.04.pdf)
- Mascarenhas, J., P. Shah, S. Joseph, R. Jayakaran, J. Devavaram, V. Ramachandran, A. Fernandez, R. Chambers and J. Pretty. 1991. Đánh giá nhanh Nông thôn có sự tham gia. PRA Notes 13 – Viện Quốc tế về Môi trường và Phát triển, London. Có sẵn tại: <https://www.iied.org/rra-notes-13-proceedings-bangalore-pra-trainers-workshop>
- Maine, R.A., B. Cam and D. Davis-Case, 1996. Phân tích, giám sát và đánh giá có sự tham gia của cộng đồng ngư dân: Một hướng dẫn. tài liệu kỹ thuật thủy sản FAO.No. 364. Rome. 142 p. Có sẵn tại: <http://www.fao.org/3/a-w3596e.pdf>
- McCracken, J., J. Pretty and G. Conway. 1988. Giới thiệu về thẩm định nông thôn nhanh chóng để phát triển nông nghiệp. Chương trình nông nghiệp bền vững, Viện quốc tế về môi trường và phát triển, London, Vương quốc Anh. Có sẵn tại: <http://www.participatorymethods.org/resource/introduction-rapid-rural-appraisal-agricultural-development>
- McGregor, A. (2008) Hạnh phúc, nghèo đói và xung đột. WeD Policy Briefing 01/08. 4 p. Có sẵn tại: <http://www.bath.ac.uk/soc-pol/welldev/research/bp/bp1-08.pdf>
- Metillo, E.B., L.C.S. Castro, N.A. Bedoya, L.A. Jimenez, V.T. Quimpong, M.J. Segumpan, M. Mahinay and D.G.G. Bacaltos. 2004. Đánh giá nông thôn có sự tham gia I trong Hệ sinh thái ven biển của Mt. Malindang, Misamis Occidental, Philippines. SEAMEO SEARCA, College, Laguna, Philippines. 134 p. Có sẵn tại: https://www.researchgate.net/profile/Ephrime_Metillo/publication/264783864_Participatory_Rural_Appraisal_in_the_Coastal_Ecosystem_of_Mt_Malindang_Misamis_Occidental_Philippines/links/53ef33d90cf23733e812d048/Participatory-Rural-Appraisal-in-the-Coastal-Ecosystem-of-Mt-Malindang-Misamis-Occidental-Philippines.pdf
- Miah, M.N.U., M.M. Shamsuzzaman, A. Harun-Al-Rashid & P.P Barman. 2015. Hiện trạng nghề cá ven biển ở bờ biển Sitakunda với tài liệu tham khảo đặc biệt về biến đổi khí hậu và đánh bắt cá. Nghiên cứu & Phát triển nuôi trồng thủy sản. 5 trang J Aquac Res Development 2015, 6:9. Có sẵn tại: <http://dx.doi.org/10.4172/2155-9546.1000362>
- Parks, J. 2017a. Thiết kế và khởi đầu Mạng lưới khu vực biển được quản lý tại địa phương (LMMA). Một bài viết được trình bày trong Writeshop để soạn thảo Hướng dẫn đánh giá nhanh / Phụ lục về phương pháp tiếp cận hệ sinh thái để quản lý nghề cá (EAFM) và Tài liệu khai thác và truy xuất nguồn gốc (CDT), ngày 4 tháng 8 năm 2017, Thành phố Quezon, Philippines.
- Parks, J. 2017b. Thúc đẩy đồng quản lý nghề cá ở Liberia sau xung đột. Một bài viết được trình bày trong Writeshop để soạn thảo Hướng dẫn đánh giá nhanh / Phụ lục về phương pháp tiếp cận hệ sinh thái để quản lý nghề cá (EAFM) và Tài liệu khai thác và truy xuất nguồn gốc (CDT), ngày 4 tháng 8 năm 2017, Thành phố Quezon, Philippines.
- Pauly, D., V. Christensen, J. Dalsgaard, R. Froese and F. Torres, Jr. 1998. Fishing down the food webs. Science, 279:860-863. Có sẵn tại: <http://www.seaaroundus.org/doc/Researcher+Publications/dpauly/PDF/2000/OtherItems/FishingDownAquaticFoodWebs.pdf>
- Pauly, D., V. Christensen, R. Froese and M.L. Palomares. 2000. Fishing down aquatic food webs. American Scientist, 88:46-51. Có sẵn tại: <http://www.seaaroundus.org/doc/Researcher+Publications/dpauly/PDF/2000/OtherItems/FishingDownAquaticFoodWebs.pdf>
- Pido, M.D., R.S. Pomeroy, M.B. Carlos and L.R. Garces. 1996. Cẩm nang thẩm định nhanh hệ thống quản lý nghề cá. ICLARM Educ Series No. 16, 82 p. Manila, Philippines. Có sẵn tại: <https://www.worldfishcenter.org/content/handbook-rapid-appraisal-fisheries-management-systems-version-1>

- Pitcher, T.J. Rapfish, Một kỹ thuật thẩm định nhanh chóng đối với nghề cá và áp dụng Bộ quy tắc ứng xử nghề cá có trách nhiệm. FAO Fisheries Circular. No. 947. Rome, FAO. 1999. 47p. Có sẵn tại: <http://www.fao.org/tempref/docrep/fao/005/x4175e/X4175E00.pdf>
- Pitcher, T.J. and Preikshot, D.B. 2001. Rapfish: Một kỹ thuật đánh giá nhanh để đánh giá tình trạng bền vững của nghề cá. Nghiên cứu thủy sản 49(3): 255-270. Có sẵn tại: https://www.researchgate.net/publication/222573557_RAPFISH_A_Rapid_Appraisal_Technique_to_Evaluate_the_Sustainability_Status_of_Fisheries
- Pitcher, T.J., Lam M.E., Ainsworth, C., Martindale, A., Nakamura, K., Perry, R.I., Ward, T. 2013. Một cải tiến cho Rapfish: một kỹ thuật đánh giá nhanh chóng cho nghề cá tích hợp kích thước sinh thái và con người. J Fish Biol.83:865-889. Có sẵn tại: <https://www.ncbi.nlm.nih.gov/pubmed/24090552>
- Primavera, J. H, and R. F. Agbayani. 1997. Chiến lược so sánh trong các chương trình phục hồi rừng ngập mặn dựa vào cộng đồng ở Philippines. In N. H. Phan, N. Ishwaran, T. S. Hoang, H. T. Nguyen, & S. T. Mai (Eds.), Sự tham gia của cộng đồng vào bảo tồn, sử dụng bền vững và phục hồi rừng ngập mặn ở Đông Nam Á. Tuyển tập của ECOTONE V, ngày 8-12, tháng 1 năm 1996, Tp Hồ Chí Minh, Việt Nam (trang 229–243). Hà Nội, Việt Nam: Tổ chức Văn hoá – Khoa học và Giáo dục Liên hiệp quốc; Hội đồng quốc gia Nhật Bản về Con người và Sinh quyển; Trung tâm Nghiên cứu Hệ sinh thái Rạn san hô” Có sẵn tại: <https://repository.seafdec.org.ph/handle/10862/420>
- Purwanto. 2017a. Đánh giá nhanh về nghề cá nhỏ trong Khu vực quản lý nghề cá 716. Một bài báo được trình bày trong Writeshop để soạn thảo Hướng dẫn thẩm định nhanh / Phụ lục về phương pháp tiếp cận hệ sinh thái đối với quản lý nghề cá (EAFM) và Tài liệu khai thác và truy xuất nguồn gốc (CDT), ngày 4 tháng 8 năm 2017, Thành phố Quezon, Philippines.
- Purwanto. 2017b. Đánh giá nhanh các loài cá ngừ trong Khu vực quản lý nghề cá 716. Một bài báo được trình bày trong Writeshop để soạn thảo Hướng dẫn thẩm định nhanh / Phụ lục về phương pháp tiếp cận hệ sinh thái đối với quản lý nghề cá (EAFM) và Tài liệu khai thác và truy xuất nguồn gốc (CDT), ngày 4 tháng 8 năm 2017, Quezon Thành phố, Philippines.
- Ramirez. P. 2017. Đánh giá nhanh trong bối cảnh làm chuỗi giá trị cá ngừ. Một bài viết được trình bày trong Writeshop để soạn thảo Hướng dẫn đánh giá nhanh / Phụ lục về phương pháp tiếp cận hệ sinh thái để quản lý nghề cá (EAFM) và Tài liệu khai thác và truy xuất nguồn gốc (CDT), ngày 4 tháng 8 năm 2017, Thành phố Quezon, Philippines.
- Rhoades, R.E. 1982. Nghệ thuật khảo sát nông nghiệp phi chính thức. Train. Doc. 1982-2. Phòng Khoa học Xã hội, Trung tâm Quốc tế Potato, Lima, Peru. Có sẵn tại: <https://www.scribd.com/document/106286494/Art-of-the-Informal-Agriculture-Survey>
- Safina, C. 1995. The world's imperiled fish. Scientific American. 273(5):46-53. Có sẵn tại: <http://www.safinacenter.org/files/Safina1995SciAm.pdf>
- Sajise, P., M. Espaldon, L. Florece and C. Medina. 1990. Thẩm định hệ thống nông thôn nhanh chóng (RRSA): công cụ chẩn đoán và thiết kế cho các dự án phát triển vùng cao. Dự án phát triển tài nguyên Rainfed, Bộ Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên, và Viện Khoa học và Quản lý Môi trường, Philippines.
- Shanner, W.W., P.F. Philipp and W.R. Schmehl. 1982. Nghiên cứu và phát triển hệ thống canh tác: hướng dẫn cho các nước đang phát triển. Westview Press, Boulder, Colorado. Có sẵn tại: <https://academic.oup.com/ajae/article-abstract/65/2/463/54760?redirectedFrom=fulltext>
- Silvestre, G. and D. Pauly. 1997. Hiện trạng và quản lý nghề cá ven biển nhiệt đới ở châu Á. ICLARM Conf. Proc. 53, 208 p. Có sẵn tại: <https://s3-us-west-2.amazonaws.com/legacy.seaaroundus/researcher/dpauly/PDF/1997/Books%26Chapters/StatusMngtTropicalcoastalFisheries.pdf>
- Townsley, P. 1993a. Một hướng dẫn về phương pháp thẩm định nhanh chóng cho các cộng đồng ven biển. Chương trình Vịnh Madras, India. Có sẵn tại: <http://www.arlis.org/docs/vol1/11799963/ad477e00.pdf>
- Townsley, P. 1993b. Đào tạo đội ngũ thẩm định nhanh; ghi chú cho giảng viên. FAO Fisheries Circular. No. 868. Rome, FAO. 1993. 115 p. Có sẵn tại: <http://www.chs.ubc.ca/archives/files/CHS0022.PDF>

- Townsley, P. 1996. Thảm định nông thôn nhanh chóng, thảm định nông thôn có sự tham gia và nuôi trồng thủy sản. FAO Fisheries Technical Paper. No. 358. Rome, FAO. 1996. 109 p. Có sẵn tại: <http://www.fao.org/docrep/006/W2352E/W2352E00.htm>
- Tumbol, R. 2017. Phân tích về giới trong ngành thủy sản ở Bitung, Bắc Sulawesi, Indonesia. Một bài báo được trình bày trong Hội thảo để soạn thảo Hướng dẫn đánh giá nhanh / Phụ lục về phương pháp tiếp cận hệ sinh thái để quản lý nghề cá (EAFM) và Tài liệu khai thác và truy xuất nguồn gốc (CDT), 4-8 December 2017, Quezon City, Philippines.
- Walters, J. S., J. Maragos, S. Siar and A.T. White. 1998. Đánh giá tài nguyên ven biển có sự tham gia: Cẩm nang dành cho công nhân cộng đồng và nhà quản lý tài nguyên ven biển. Dự án quản lý tài nguyên ven biển và Đại học Silliman, thành phố Cebu, Philippines, 113 p. Có sẵn tại: http://library.enaca.org/man-grove/publications/pcra_training_guide.pdf
- USAID (United States Agency for International Development). 2012. Bình đẳng giới và Chính sách trao quyền cho phụ nữ. Washington, DC, USA. 28 p. Có sẵn tại: https://www.usaid.gov/sites/default/files/documents/1865/GenderEqualityPolicy_0.pdf
- USAID Oceans (Chương trình Đối tác Nghề cá và Đại dương của USAID). 2017a. Tài liệu đánh bắt thủy sản và truy xuất nguồn gốc ở Đông Nam Á: Tổng quan về khái niệm. Bangkok, Thái Lan, 32 p. Có sẵn tại: <https://www.seafdec-oceanspartnership.org/resource/fisheries-catch-documentation-and-traceability-in-southeast-asia-a-conceptual-overview-cdt-101/>
- USAID Oceans (Chương trình Đối tác Nghề cá và Đại dương của USAID). 2017b. Tài liệu khai thác thủy sản và truy xuất nguồn gốc ở Đông Nam Á: Khái niệm và thông số kỹ thuật. Bangkok, Thailand, 65 p. Có sẵn tại: <https://www.seafdec-oceanspartnership.org/resource/cdt201/>
- WorldFish. 2017a. Đánh giá Nhanh Hệ thống quản lý Nghề cá ở Philippines: Hồ sơ nghề Khai thác ở Vịnh Sarangani / Phụ lục 1. Los Baños, Laguna, trang 36.
- WorldFish. 2017b. Đánh giá nhanh hệ thống quản lý nghề cá ở Philippines: Báo cáo thành phần chuỗi giá trị kinh tế xã hội / Phụ lục 2. Los Baños, Laguna. 70 p. WorldFish. 2017c. Đánh giá nhanh các hệ thống quản lý nghề cá ở Philippines: Quản trị nghề cá của Vịnh Sarangani-Celebes Cảnh biển / Phụ lục 3. Los Baños, Laguna. trang 41.
- WorldFish. 2017d. Đánh giá nhanh các hệ thống quản lý nghề cá ở Philippines: Báo cáo sơ bộ về phân tích chênh lệch CDTs tại địa điểm học tập chung của thành phố Santos / Phụ lục 4. Los Baños, Laguna. 58 tr.
- WorldFish. 2017e. Đánh giá Nhanh Hệ thống quản lý Nghề cá ở Philippines : Báo cáo Hội thảo Tham vấn các bên liên quan / Phụ lục 5. Los Baños, Laguna. 224 p.
- WorldFish. 2017f. Đánh giá nhanh hệ thống quản lý nghề cá ở Philippines: Báo cáo tổng hợp cuối cùng. Los Baños, Laguna. 39 tr.
- WWF-WAMPO (Quỹ Bảo vệ Thiên nhiên Quốc tế - Văn phòng Chương trình Biển tự nhiên Tây Phi). 2012. Báo cáo thảm định nông thôn có sự tham gia (PRA): Hoạt động thu hoạch sò, Kartong, Gambia. Dự án nghề cá bền vững Gambia-Senegal (USAID / Ba Nafaa). Trung tâm tài nguyên ven biển, Đại học Rhode Island, Hoa Kỳ, 19 trang. Có sẵn tại: http://www.crc.uri.edu/download/Cockle_PRA_Report.pdf

CHƯƠNG 2

- Biggs, S. 1989. Sự tham gia nghiên cứu của các Nông dân nghèo tài nguyên: tổng hợp kinh nghiệm từ chính hệ thống nghiên cứu nông nghiệp quốc gia. Dịch vụ quốc tế cho nghiên cứu nông nghiệp quốc gia. Hauge, Hà Lan. Có sẵn tại: <http://ebrary.ifpri.org/cdm/ref/collection/p15738coll11/id/92>
- Bunce L. and R. Pomeroy. 2000. Hướng dẫn giám sát kinh tế xã hội cho các nhà quản lý ven biển ở Đông Nam Á: SocMon SEA. Ủy ban Thế giới về Khu bảo tồn và Viện Khoa học Hàng hải Úc. 82 p. Có sẵn tại: https://www.researchgate.net/publication/263247439_Socioeconomic_Monitoring_Guidelines_for_Coastal_Managers_in_Southeast_Asia_SocMonSEA

- Bunce L., P. Townsley, R. Pomeroy and R. Pollnac. 2003. Hướng dẫn kinh tế xã hội để quản lý rạn san hô. Viện Khoa học Hàng hải Úc. 251 p. Có sẵn tại: <http://citeseerx.ist.psu.edu/viewdoc/download?doi=10.1.1.431.4362&rep=rep1&type=pdf>
- FAO (Food and Agriculture Organization). 2003. Phương pháp tiếp cận hệ sinh thái đối với nghề cá. Hướng dẫn kỹ thuật của FAO đối với nghề cá có trách nhiệm: No. 4, Suppl. 2. Rome, FAO. Có sẵn tại: <http://www.fao.org/docrep/005/Y4470E/y4470e00.htm>
- IIRR (Viện Quốc tế về Tái cơ cấu Nông thôn). 1998. Phương pháp có sự tham gia trong Quản lý nguồn lợi ven bờ có sự tham gia của cộng đồng. Bản 1- Bài Giới thiệu. Silang, Cavite, Philippines. Có sẵn tại: <http://www.nzdl.org/gsdmod?e=d-00000-00---off-0envl--00-0----0-10-0---0---0direct-10---4-----0-11--11-en-50---20-about---00-0-1-00-0--4----0-0-11-10-0utfZz-8-00&cl=CL2.2&d=HASHd8b92d1f868a33e9d63b61.9>=1>
- McCracken, J., J. Pretty and G. Conway. 1988. Giới thiệu về thẩm định nông thôn nhanh chóng cho phát triển nông nghiệp. Chương trình nông nghiệp bền vững, Viện quốc tế về môi trường và phát triển, London, Vương quốc Anh. Có sẵn tại: <http://www.participatorymethods.org/resource/introduction-rapid-rural-appraisal-agricultural-development>
- Mikkelsen, B. 1995. Phương pháp cho công việc phát triển và nghiên cứu: hướng dẫn cho các học viên. Ấn phẩm hiện triết, London. Có sẵn tại: <http://agris.fao.org/agris-search/search.do?recordID=XF2015012894>
- Pido, M.D., R.S. Pomeroy, M.B. Carlos and L.R. Garces. 1996. Cẩm nang thẩm định nhanh các hệ thống quản lý nghề cá (phiên bản 1). ICLARM Educ. Ser. 16, 85 p. <https://www.worldfishcenter.org/content/handbook-rapid-appraisal-fisheries-management-systems-version-1>
- Pitcher, T.J. Rapfish, một kỹ thuật thẩm định nhanh chóng đối với nghề cá và áp dụng Bộ quy tắc ứng xử cho nghề cá có trách nhiệm. Thông tư nghề cá FAO. Số 947. Rome, FAO. 1999. 47 p. Có sẵn tại: <http://www.fao.org/tempref/docrep/fao/005/x4175e/X4175E00.pdf>
- Pitcher, T.J. and Preikshot, D.B. (2001) Rapfish: Một kỹ thuật đánh giá nhanh để đánh giá tình trạng bền vững của nghề cá. Nghiên cứu thủy sản 49(3): 255-270
- Pomeroy, R., R. Brainard, M. Moews, A. Heenan, J. Shackeroff, and N. Armada. Coral Triangle Regional Hướng dẫn tiếp cận hệ sinh thái đối với quản lý nghề cá (EAFM). 2013. Quan hệ đối tác hỗ trợ tam giác san hô US-AID, Honolulu, Hawaii. 74 p. Có sẵn tại: <http://www.refresilience.org/wp-content/uploads/Pomeroy-et-al.-2013-CT-Regional-EAFM-Guidelines.pdf>
- Sajise, P., M. Espaldon, L. Florece and C. Medina. 1990. Thẩm định hệ thống nông thôn nhanh chóng (RRSA): công cụ chẩn đoán và thiết kế cho các dự án phát triển vùng cao. Dự án phát triển tài nguyên Rainfed, Bộ Môi trường và Tài nguyên thiên nhiên, và Viện Khoa học và Quản lý Môi trường, Philippines.
- Schonhuth, M. and U. Kievelitz. 1994. Phương pháp học tập có sự tham gia: thẩm định nông thôn nhanh chóng, thẩm định nông thôn có sự tham gia. Schriften. GTZ248. Robdorf. Có sẵn tại: <http://www.participatorymethods.org/resource/participatory-learning-approaches-rapid-rural-appraisal-and-participatory-appraisal>
- Staples, D., Brainard, R., Capezzuoli, S., Funge-Smith, S., Grose, C., Heenan, A., Hermes, R., Maurin, P., Moews, M., O'Brien, C. & Pomeroy, R. 2014. Essential EAFM. Phương pháp tiếp cận hệ sinh thái cho khóa đào tạo quản lý nghề cá. Tập 2 - Dành cho giảng viên. Văn phòng khu vực FAO ở châu Á và Thái Bình Dương, Bangkok, Thái Lan, Ấn phẩm RAP 2014/13, 213 Trang. Có sẵn tại: <http://www.fao.org/3/a-i3780e.pdf>
- Townsley, P. 1992. Đánh giá nhanh cho các vùng nước nhỏ. ALCOM Rep. 11. FAO, Harare, Zimbabwe. Có sẵn tại: <http://www.fao.org/tempref/Fl/CDrom/aquaculture/a0845t/volume2/docrep/008/ad780e/AD780E00.htm>
- Townsley, P. 1993a. Một hướng dẫn về phương pháp thẩm định nhanh chóng cho các cộng đồng ven biển. Chương trình Vịnh Vịnh, Madras, Ấn Độ. Có sẵn tại: <http://www.fao.org/tempref/docrep/fao/field/006/ad477e/ad477e00.pdf>
- Townsley, P. 1993b. Đào tạo đội ngũ thẩm định nhanh: ghi chú cho giảng viên. FAO Fish. Circ. 868. Có sẵn tại: <http://www.chs.ubc.ca/archives/files/CHS0022.PDF>

Walters, J.S., J. Maragos, S. Siar and A.T. White. 1998. Đánh giá Nguồn lợi ven biển có sự tham gia: A Cẩm nang dành cho công nhân cộng đồng và quản lý tài nguyên ven biển. Dự án quản lý tài nguyên ven biển và Đại học Silliman, Thành phố Cebu, Philippines, 113 p. Có sẵn tại: <http://oneocean.org/download/990118/frntmtrr.pdf>

CHƯƠNG 3

Ajimal, K. 1985. Phân tích trường lực - Một khuôn khổ cho tư duy chiến lược. Kế hoạch dài hạn.18(5): 55-60. Có sẵn tại: <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/0024630185902018>

Esguerra, S. và cộng sự. (in prep). Thẩm định nhanh chóng để hướng dẫn thiết kế và thực hiện tài liệu khai thác và hệ thống truy xuất nguồn gốc ở Philippines.

Gomm, M. and H. Brocks. 2009. PARSE. Insight. Có thể giao D 4.1. Đặc điểm kỹ thuật của lược đồ phân tích khoảng cách và hỗ trợ công cụ.

Hellin, J. and Meijer, M. 2006. Hướng dẫn phân tích chuỗi giá trị. Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên Hợp Quốc (FAO), Rome, Italy.

Kaplinsky, R. and M. Morris. 2001. Cẩm nang về nghiên cứu chuỗi giá trị http://asiandrivers.open.ac.uk/documents/Value_chain_Handbook_RKMM_Nov_2001.pdf

Kumar, S. 1999. Phân tích trường động lực: Áp dụng trong PRA. PLA Notes. 36:17–23. Có sẵn tại: <http://pubs.iied.org/pdfs/G01849.pdf>

Lewin, K. Phân tích trường động lực. Có sẵn tại: https://www.mindtools.com/pages/article/newTED_06.htm

Pido M.D., R.S. Pomeroy, M.B. Carlos, and L.R. Garces. 1996. Cẩm nang thẩm định nhanh các hệ thống quản lý nghề cá (phiên bản 1). ICLARM Educ. Ser. 16. 85 p. Có sẵn tại: <https://www.worldfishcenter.org/content/handbook-rapid-appraisal-fisheries-management-systems-version-1>

Pido, M.D., R.S. Pomeroy, L.R. Garces and M.B. Carlos. 1997. Một cách tiếp cận thẩm định nhanh chóng để đánh giá các hệ thống quản lý nghề cá cấp cộng đồng: Khung và ứng dụng tại các làng chài ven biển được lựa chọn ở Philippines và Indonesia. Quản lý vùng ven biển,25: 183-204. Có sẵn tại: <https://www.tandfonline.com/doi/abs/10.1080/08920759709362317>

Siriraksophon, S., Kawamura, H., and Imsamrarn, N. 2016. Đảm bảo sự phù hợp của các sản phẩm cá và thủy sản ASEAN trên thị trường toàn cầu: Đề án tài liệu khai thác ASEAN đối với nghề đánh bắt hải sản. Cá cho dân, tập 14 Số 2: p. 24-33 (Số đặc biệt). Trung tâm phát triển Đông Nam Á, Bangkok, Thái Lan. Có sẵn tại: <http://www.seafdec.org/download/fish-people-volume-14-no-2/>

Swanson, D. J. and A. Shawn Creed. 2014. Các điểm mấu chốt của Phân tích trường động lực. Tạp chí Quản lý Thay đổi, 14(1): trang 28-47. Có sẵn tại: https://www.researchgate.net/publication/263685472_Sharpener_of_Focus_of_Force_Field_Analysis

Thomas J. 1985. Phân tích trường lực: Một cách mới để đánh giá chiến lược của bạn. Kế hoạch dài hạn. 18 (6): 54-59. Có sẵn tại: <https://www.sciencedirect.com/science/article/pii/0024630185900640>

USAID Oceans (Chương trình Đối tác Nghề cá và Đại dương của USAID). 2017a. Tài liệu đánh bắt thủy sản và truy xuất nguồn gốc ở Đông Nam Á: Tổng quan về khái niệm. Bangkok, Thái Lan, 32 p. Có sẵn tại: <https://www.seafdec-oceanspartnership.org/resource/fisheries-catch-documentation-and-traceability-in-southeast-asia-a-conceptual-overview-cdt-101/>

USAID Oceans (Chương trình Đối tác Nghề cá và Đại dương của USAID). 2017b. Tài liệu khai thác thủy sản và truy xuất nguồn gốc ở Đông Nam Á: Khái niệm và thông số kỹ thuật. Bangkok, Thái Lan, 65 p. Có sẵn tại: <https://www.seafdec-oceanspartnership.org/resource/cdt201/>

USAID Oceans (Chương trình Đối tác Nghề cá và Đại dương của USAID). 2018a. Phân tích lỗ hổng của CDT và Thẩm định đối tác cho Malaysia. Bangkok, Thái Lan, 97p. Có sẵn tại: <https://www.seafdec-oceanspartnership.org/resource/vietnam-cdt-gap-analysis-and-partnership-appraisal/>

USAID Oceans (Chương trình Đối tác Nghề cá và Đại dương của USAID). 2018a. Phân tích các lỗ hổng CDT và Thẩm định đối tác cho Việt Nam. Bangkok, Thái Lan, 38p. Có sẵn tại: <https://www.seafdec-oceanspartnership.org/resource/malaysia-cdt-gap-analysis-and-partnership-appraisal/>

WorldFish. 2017. Phân tích khoảng cách CDTs trong trang web học tập Sarangani Bay-Sulawesi. Đánh giá nhanh hệ thống quản lý nghề cá ở Philippines. Hợp đồng nhánh của USAID số Tetra Tech – WF – 1084 – 001. Có sẵn tại: https://www.seafdec-oceanspartnership.org/wp-content/uploads/USAID-Oceans_Stakeholder-Validation-Workshop-Proceeding_Philippines_final_LR.pdf

CHƯƠNG 4

ACDI/VOCA. 2012. Hướng dẫn phân tích, đánh giá và kiểm toán giới. ACDI/VOCA. 88 p. Có sẵn tại: <http://www.acdivoca.org/wp-content/uploads/2016/07/ACDI-VOCA-Gender-Analysis-Manual.pdf>

Andraos, N. 2015. Bộ công cụ tuân thủ chính sách của USAID về bình đẳng giới. Tác động xã hội, Inc., Arlington, VA, Hoa Kỳ. 30 p. Có sẵn tại: <http://www.fao.org/docrep/014/ba0004e/ba0004e00.pdf>

Arenas, M.C. and A. Lentisco. 2011. Đưa giới vào quản lý chu trình dự án trong lĩnh vực thủy sản. Ấn phẩm FAO RAP 2011/15. Bangkok, Thailand. 105 p. Có sẵn tại: <http://www.fao.org/docrep/014/ba0004e/ba0004e00.pdf>

BFAR (Cục Nghề cá và Nguồn lợi Hải sản). 2014. Hồ sơ thủy sản Philippines 2014. Cục Thủy sản và Thủy sản, Bộ Nông nghiệp. 70 p. Có sẵn tại: [https://www.bfar.da.gov.ph/files/img/photos/2014FisheriesProfile\(Finalcopy\).pdf](https://www.bfar.da.gov.ph/files/img/photos/2014FisheriesProfile(Finalcopy).pdf)

BFAR (Cục Nghề cá và Nguồn lợi Hải sản). 2015. Hồ sơ thủy sản Philippines 2015. Cục Thủy sản và Thủy sản, Bộ Nông nghiệp. 70 tr.

BCAS (Trung tâm Thống kê Bintung). 2014. Bitung bằng số 2014. Trung tâm Thống kê Bintung, Bitung City, Indonesia.

CWFS (Hội đồng An ninh Lương thực toàn cầu). 2015. Tạo sự khác biệt trong An ninh lương thực và Dinh dưỡng, Báo cáo cuối cùng của Phiên họp thứ 42, 12-15 October 2015. CFS 2015/42 Report. Rome, Italy. 23 p. Có sẵn tại: <http://www.fao.org/3/a-mo943e.pdf>

FAO. 2017. Hướng tới quy mô nhỏ bình đẳng giới quản trị và phát triển nhà máy - Một cuốn cẩm nang. Để hỗ trợ việc thực hiện Hướng dẫn tự nguyện để đảm bảo nghề cá quy mô nhỏ bền vững trong bối cảnh an ninh lương thực và xóa đói giảm nghèo, của Nilanjana Biswas. Rome, Ý. Có sẵn tại: <http://www.fao.org/3/a-i7419e.pdf>

Gopal, N., Williams, M.J., Porter, M. and Kusakabe, K. 2016. Giới trong nuôi trồng thủy sản và nghề cá: Hành trình dài đến bình đẳng. Vấn đề đặc biệt về khoa học thủy sản châu Á. 29S: 1-17. Có sẵn tại: <http://www.fao.org/3/a-mo943e.pdf>

Hilly Z., Schwarz A.-M. and Boso, D. 2012. Tăng cường vai trò của phụ nữ trong quản lý tài nguyên biển dựa vào cộng đồng: bài học kinh nghiệm từ các hội thảo cộng đồng. Bản tin thông tin phụ nữ về thủy sản của SPC 22 (tháng 7 năm 2012): 29-35. Có sẵn tại: http://pubs.iclarm.net/resource_centre/WF-3896.pdf

IGWG. 2016. Xác định giới tính và các điều khoản liên quan. Nhóm làm việc về giới liên ngành, USAID. <https://www.igwg.org/wp-content/uploads/2017/05/DefinGenderRelatedTerms.pdf> (accessed July 2016).

Israel, L. 1993. Phụ nữ trong ngành thủy sản: Một đánh giá về văn học. Lundaya, Tập 2 (2). Trung tâm phát triển Tambuyog.

Israel, D.C. and R.M.G.R. Roque. 2000. Phân tích các cảng cá ở Philippines. Sê-ri thảo luận số 2004-04, Viện nghiên cứu phát triển Philippine. Có sẵn tại: <https://dirp4.pids.gov.ph/ris/dps/pidsdps0004.pdf>

Kabeer, N. 1994. Thực tế đảo ngược: hệ thống phân cấp giới trong tư tưởng phát triển. London:Verso, 346 p. Có sẵn tại: <https://searchworks.stanford.edu/view/2897164>

Kantor, P., Miranda, M., and Choudhury, A. 2015. Sửa đổi kết quả bằng cách giải quyết bất bình đẳng: Vai trò của phương pháp chuyển đổi giới tính trong nghiên cứu nông nghiệp đối với sự phát triển. Giới, Công nghệ và Phát triển. 19(3): 292-319. DOI: 10.1177/0971852415596863

- Kleiber, D., Harris, L.M. and Vincent, A.C. 2014. Cải thiện các ước tính nghề cá bằng cách bao gồm phụ nữ bắt cá ở miền Trung Philippines. Tạp chí Khoa học Thủy sản và Thủy sản Canada.71(5): 656-664. Có sẵn tại: <http://www.nrcresearchpress.com/doi/abs/10.1139/cjfas-2013-0177#.WvmhZWpuYoA>
- Kleiber, D. 2015. Gleaning. <http://www.genderaquafish.org/discover-gaf/gaf-networks-and-resources/gleaning/>
- Kleiber, D., Harris, L.M. and Vincent, A.C. 2015. Giới tính và nghề cá quy mô nhỏ: một trường hợp để đếm phụ nữ và hơn thế nữa.. 16: 547-562. Có sẵn tại: <https://onlinelibrary.wiley.com/doi/abs/10.1111/faf.12075>
- Koehler, G. 2016. Khai thác các Mục tiêu Phát triển Bền vững cho tiến trình Bình đẳng giới và chính sách bình đẳng – Giới tính và Sự phát triển. DOI: 10.1080/13552074.2016.1142217.
- Krushelnyska, O. 2015. Hướng tới quản lý nghề cá công bằng giới ở quần đảo Solomon. Một báo cáo tổng hợp từ một nghiên cứu của Barclay, Payne và Mauli, 2015. Có sẵn tại: <http://documents.worldbank.org/curated/en/467721468187800125/Toward-gender-equitable-fisheries-management-in-Solomon-Islands>
- Legaspi, A. 1995. Vai trò của phụ nữ trong phát triển thủy sản ở Philippines. Báo cáo cuối cùng của hội thảo khu vực về vai trò của phụ nữ trong phát triển thủy sản, GOP-UNDP SU/TCDC-TCCP.
- March, C., I. Smyth and M. Mukhopadhyay. 1999. Hướng dẫn về Khung phân tích giới. Oxfam, Anh. 146 p. Có sẵn tại: <https://policy-practice.oxfam.org.uk/publications/a-guide-to-gender-analysis-frameworks-115397>
- Mayoux, L. and G. Mackie. 2008. Hướng dẫn thực tế để lồng ghép giới trong phát triển chuỗi giá trị. Tổ chức Lao động Quốc tế - Addis Ababa, Ethiopia 13 p. Có sẵn tại: http://www.ilo.org/wcmsp5/groups/public/@ed_emp/@emp_ent/documents/instructionalmaterial/wcms_106538.pdf
- MMAF (Bộ Hàng hải và Nghề cá). 2009. (Bộ Thủy sản và Thủy sản). 2009. Kế hoạch chiến lược của Bộ Thủy sản và Thủy sản 2009-2014. Bộ Thủy sản và Thủy sản, Jakarta, Indonesia.
- MMAF (Bộ Hàng hải và Nghề cá). 2014. Hàng hải và nghề cá bằng số. Bộ Hàng hải và Nghề cá, Jakarta, Indonesia. Có sẵn tại: <http://www.fao.org/figis/pdf/fishery/facp/IDN/en?title=FAO%20Fisheries%20%26%20Aquaculture%20-%20Fishery%20and%20Aquaculture%20Country%20Profiles%20-%20The%20Republic%20of%20Indonesia>
- Moser, C.O.N. 1993. Lập kế hoạch và phát triển giới: Lý thuyết, thực hành và đào tạo. London: Routledge. 285 trang Có sẵn tại: <https://www.taylorfrancis.com/books/9781134935383>
- Pavo, R.R. and Digal, L.N. 2017. Không gian của phụ nữ trong Khu liên hợp cá cảng và các nút chuỗi giá trị của ngành công nghiệp đánh cá ở thành phố General Santos, Philippines. Khoa học Thủy sản Châu Á. 30S: 33-58. Có sẵn tại: <https://www.asianfisheriessociety.org/publication/downloadfile.php?id=1163&file=Y0dSbUx6QTF0REEzTURrd01ERTFNVFE0TmJd05ERXVjR1Jt&dldname=Womens%27s%20Space%20in%20the%20Fish%20Port%20Tambler%20Complex%20and%20the%20Value-Chain%20Nodes%20of%20the%20Fishing%20Industry%20in%20General%20Santos%20City,%20Philippines.pdf>
- Pido, M.D., R.S. Pomeroy, M.B. Carlos and L.R. Garces. 1996. A cẩm nang thẩm định nhanh hệ thống quản lý nghề cá (phiên bản 1). Giáo dục ICLARM. Ser. 16, 85 p. Có sẵn tại: <https://www.worldfishcenter.org/content/handbook-rapid-appraisal-fisheries-management-systems-version-1>
- Rao, A., M.B. Anderson and C.A. Overholt. 1991. Phân tích giới trong kế hoạch phát triển: một cuốn sách tình huống. West Hartford, Connecticut, Báo chí Kumary. 103 p. Có sẵn tại: <https://www.popline.org/node/338985>
- Rodriguez, L. 1996. Các loài cá của Talangban: Vai trò của Phụ nữ và vấn đề giới trong quản lý tài nguyên ven biển dựa vào cộng đồng." In Ferrer, E.M., de la Cruz, L. & Domingo, M.A. (Eds.) Seeds of Hope. UP: CSWCD. Có sẵn tại: <https://idl-bnc-idrc.dspacedirect.org/bitstream/handle/10625/15827/104783.pdf?sequence=1>

- Satapornvanit, A.N., A. Sermwatanakul, K. Naksung, K. Sochivi, T.H. Minh, T.K.Q. Nguyen, D. Yuan, and N. Gopal. 2016. Phụ nữ nuôi trồng thủy sản. Tập thể quốc tế cho công nhân nuôi cá quy mô nhỏ - Yemaya Yemaya 51:4-6.
- Seymour, Greg; Malapit, Hazel Jean; Quisumbing, Agnes R. 2017. Đo lường thời gian sử dụng trong chiến lược phát triển (Bản Tiếng Anh). Tạp chí Nghiên cứu Chính sách số WPS 8147. Washington, D.C.: World Bank Group. <http://documents.worldbank.org/curated/en/443201500384614625/Measuring-time-use-in-development-settings>
- Siason, I. 2013. Phụ nữ và giới và sự phát triển trong quản lý tài nguyên ven biển. pp, 203-236. In I. Siason (ed.) Quản lý Nguồn lợi ven bờ: Góc nhìn từ nhà khoa học xã hội. Manila: DA-BAR.
- Siason, I., E. Tech, K.I. Matics, P.S. Choo, M. Shariff, E.S. Heruwati, T. Susilowti, N. Miki, A.B. Shelly, K.G. Rajabharshi, R. Ranjit, P.P.G.N. Siriwardena, M.C. Nandeeshha and M. Sunderarajan. (2002). Phụ nữ trong ngành thủy sản ở châu Á. Hội nghị chuyên đề toàn cầu về phụ nữ trong nghề cá, Diễn đàn nghề cá châu Á lần thứ 6, ICLARM. 21-48. Có sẵn tại: <https://www.worldfishcenter.org/content/women-fisheries-asia>
- Sotto, F.B., C. Laron and T. Heager. 2001. Sự tham gia của Phụ nữ ở sapyaw. In M.J. Williams, M.C. Nandeeshha, V.P. Corral, E. Tech and P. Choo (eds). Hội thảo quốc tế về phụ nữ trong nghề cá châu Á. Diễn đàn thủy sản châu Á lần thứ 5. ICLARM. ISBN 9832346029. Có sẵn tại: https://books.google.com.ph/books/about/International_Symposium_on_Women_in_Asia.html?id=XbZgA4mDLF8C&hl=en&output=html_text&redir_esc=y
- Sumagaysay, M.B. 2011. Kết quả hội thảo về Lập bản đồ tài nguyên giới cho dự án, Thích ứng với biến đổi khí hậu: Trường hợp phụ nữ phơi cá khô của Brgy. Bislig, Tanauan, Leyte.
- UNDP. 2007. Chính thống hóa giới tính: Một động lực chính của sự phát triển trong môi trường và năng lượng. Hướng dẫn đào tạo. Chương trình Phát triển Liên Hợp Quốc, NY, Hoa Kỳ. 84 tr. Có sẵn tại http://www.undp.org/content/dam/undp/library/Environment%20and%20Energy/Sustainable%20Energy/Gender_Mainstreaming_Training_Manual_2007.pdf
- UN (United Nations). 2015. Biến đổi thể giới của chúng ta: Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững. Nghị quyết được Đại hội đồng thông qua vào ngày 25 tháng 9 năm 2015. Đại hội đồng Liên Hợp Quốc A / RES / 70/1. 35p. Có sẵn tại: http://www.un.org/en/development/desa/population/migration/generalassembly/docs/globalcompact/A_RES_70_1_E.pdf
- UN (Liên hiệp quốc). 2017. Báo cáo mục tiêu phát triển bền vững 2017. Bộ Kinh tế và Xã hội, Liên Hợp Quốc USA. 64 p. Có sẵn tại: <https://unstats.un.org/sdgs/files/report/2017/TheSustainableDevelopmentGoalsReport2017.pdf>
- USAID (Cơ quan Phát triển Quốc tế của Hoa Kỳ): <https://www.usaid.gov/sites/default/files/documents/1864/200mbe.pdf>
- USAID (Cơ quan Phát triển Quốc tế của Hoa Kỳ). 2010. Hướng dẫn về tích hợp và phân tích giới: Trợ giúp bổ sung cho các chương ADS 201 và 203. EGAT / WID. 16 trang Có sẵn tại <http://usaidprojectstarter.org/sites/default/files/resources/pdfs/201sab.pdf>
- USAID (Cơ quan Phát triển Quốc tế của Hoa Kỳ). 2011. Hướng dẫn để triển khai một Phân tích về giới ở cấp Dự án hoặc Hoạt động. Có sẵn tại: <http://ndcpartnership.org/content/tips-conducting-gender-analysis-activity-or-project-level>
- USAID (Cơ quan Phát triển Quốc tế của Hoa Kỳ). 2012. Bình đẳng Giới và Chính sách quyền phụ nữ Washington, DC, USA. 28 p. Có sẵn tại: https://www.usaid.gov/sites/default/files/documents/1865/GenderEqualityPolicy_0.pdf
- USAID (Cơ quan Phát triển Quốc tế của Hoa Kỳ). 2013. ADS Chương 205. Tích hợp Bình đẳng giới và Chính sách quyền phụ nữ trong các Chương trình của USAID. Phiên bản mới 07/17/2013. 25 p. Có sẵn tại: <https://www.usaid.gov/sites/default/files/documents/1870/205.pdf>

- Weeratunge, N., K. Snyder and P.S. Choo. 2010. Người thu gom, ngư dân, thương lái, nhà chế biến: Hiểu biết về giới tính trong nghề cá và Nuôi trồng Thủy sản. DOI: 10.1111/j.1467-2979.2010.00368.x
- Williams, M.J. 2008. Tại sao nhìn vào nghề cá qua lăng kính giới? Phát triển. 51:180-185. Doi: 10.1057/dev.2008.2
- Williams, M.J. 2016. Các cơ quan nghề cá quan tâm tới vấn đề Giới tính như thế nào? Vấn đề đặc biệt của Khoa học Thủy sản Asean. 29S: 21-48. Có sẵn tại: <https://www.asianfisheriessociety.org/publication/downloadfile.php?id=1109&file=Y0dSbUx6QXhNekI3TXpjd01ERTBOemczTXprMk1qZ3VjR1Jt&dldname=How%20are%20Fisheries%20and%20Aquaculture%20Institutions%20Considering%20Gender%20Issues?.pdf>
- WinFish. 2017. Phân tích về giới của ngành thủy sản: General Santos City, Philippines: Báo cáo cuối cùng được đệ trình lên Hiệp hội đối tác đại dương và nghề cá USAID. Mạng lưới quốc gia về phụ nữ trong nghề cá ở Philippines, Inc. 175 tr.
- WWF (World Wildlife Fund). 2016. Quản lý lũ tự nhiên và dựa trên thiên nhiên: Hướng dẫn xanh. Washington DC: Quý Động vật hoang dã Thế giới. 15 p. Có sẵn tại: http://envirodm.org/cms/wp-content/uploads/2017/07/WWF-Flood-Green-Guide-2017_Preface_Optimized.pdf
- Yamashita, H. and Belleza, E. 2008. Chuỗi giá trị cho hàng hóa cá ngừ Philippines: Những phát triển gần đây và định hướng tương lai. Trong Tuyển tập của Hội nghị lần thứ 14 của Viện Kinh tế & Thương mại Thủy sản Quốc tế, July 2008, Nha Trang, Vietnam: Để có một tương lai bền vững: Quản lý Nuôi trồng Thủy sản, Khai thác, Thương mại và sự Phát triển Nghề cá. Có sẵn tại: https://ir.library.oregonstate.edu/concern/conference_proceedings_or_journals/s7526d31k

The Oceans and Fisheries Partnership (USAID Oceans)
Unit 1201/1, 12th Floor
208 Wireless Road, Lumpini, Pathumwan
Bangkok 10330 Thailand
seafdec-oceanspartnership.org